

**NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
MÔN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

Chương I: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước, Nhà nước CHXHCN Việt Nam

1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì nguyên nhân chủ yếu làm xuất hiện Nhà nước là?

- A. Do có sự phân hóa lao động trong xã hội
- B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội
- C. Do địa hình, khí hậu không thuận lợi nên con người phải hợp sức lại để phát triển sản xuất
- D. Do các thành viên trong xã hội lập ra

2. Nhà nước chưa tồn tại trong hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Hình thái kinh tế - xã hội Công xã nguyên thủy
- B. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản nguyên thủy
- C. Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa
- D. Hình thái kinh tế - xã hội Chiếm hữu nô lệ

3. Tổ chức thị tộc trong xã hội Cộng sản nguyên thủy là?

- A. Một tổ chức kinh tế
- B. Một tập đoàn người có cùng quan hệ huyết thống
- C. Một xã hội độc lập
- D. Một đơn vị độc lập

4. Khi nghiên cứu về tổ chức thị tộc thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Thị tộc là gia đình trong xã hội Cộng sản nguyên thủy
- B. Trong thị tộc đã có sự phân công lao động chuyên môn hóa ngành nghề
- C. Thị tộc là đơn vị kinh tế đầu tiên của xã hội cộng sản nguyên thủy
- D. Tổ chức thị tộc gắn liền với nền kinh tế sản xuất

5. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về Nhà nước thì?

- A. Nhà nước là hiện tượng tự nhiên
- B. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử
- C. Nhà nước là hiện tượng xã hội
- D. Nhà nước là hiện tượng xuất hiện và tồn tại cùng với sự xuất hiện, tồn tại của lịch sử xã hội loài người

6. Dân cư trong xã hội cộng sản nguyên thủy được phân bố theo?

- A. Tôn giáo
- B. Quan hệ huyết thống
- C. Đơn vị hành chính lãnh thổ
- D. Hội đồng thị tộc, hội đồng bộ lạc

7. Khi nghiên cứu về nguồn gốc Nhà nước, xem Nhà nước là hiện tượng siêu nhiên, vĩnh cửu, đó là quan điểm của?

- A. Thuyết thần học
- B. Thuyết gia trưởng
- C. Thuyết khế ước xã hội
- D. Thuyết bạo lực

8. Khi nghiên cứu về tổ chức thị tộc thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Thị tộc là đơn vị kinh tế đầu tiên của xã hội cộng sản nguyên thủy
- B. Trong thị tộc đã hình thành hội đồng thị tộc
- C. Trong thị tộc đã hình thành các giai cấp khác nhau
- D. Thị tộc tồn tại gắn liền với nền kinh tế tự nhiên

9. Những quy phạm xã hội tồn tại trong xã hội cộng sản nguyên thủy là?

- A. Đạo đức, tập quán, pháp luật
- B. Tập quán, tín điều tôn giáo, luật pháp
- C. Tín điều tôn giáo, tập quán pháp
- D. Đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo

10. Trong các quan điểm phi mácxít về nguồn gốc Nhà nước thì quan điểm nào được coi là tiến bộ nhất?

- A. Quan điểm của những nhà nghiên cứu theo thuyết thần học
- B. Quan điểm của những nhà nghiên cứu theo thuyết gia trưởng
- C. Quan điểm của những nhà nghiên cứu theo thuyết khế ước xã hội
- D. Quan điểm của những nhà nghiên cứu theo thuyết bạo lực

11. C.Mác và Ăngghen đã khái quát hóa quá trình tồn tại, phát triển, thay đổi của xã hội loài người trải qua..... lần phân công lao động?

- A. Hai
- B. Ba
- C. Bốn
- D. Năm

12. Đề cập đến quá trình phát triển, thay đổi của xã hội loài người, nhận định nào sau đây là sai?

- A. Lần phân công lao động thứ nhất: ngành chăn nuôi ra đời
- B. Lần phân công lao động thứ hai: ngành trồng trọt và tiểu thủ công nghiệp ra đời
- C. Lần phân công lao động thứ ba: ngành thương nghiệp ra đời
- D. Lần phân công lao động thứ ba làm cho những mâu thuẫn trong xã hội ngày càng trở nên gay gắt

13. Đề cập đến quá trình phát triển, thay đổi của xã hội loài người, nhận định nào sau đây là sai?

- A. Lần phân công lao động thứ nhất: ngành chăn nuôi ra đời
- B. Lần phân công lao động thứ hai: ngành tiểu thủ công nghiệp ra đời
- C. Lần phân công lao động thứ ba: ngành thương nghiệp ra đời
- D. Lần phân công lao động thứ tư: Nhà nước ra đời

14. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Hội đồng thị tộc là tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc
- B. Cơ sở kinh tế đặc trưng của xã hội cộng sản nguyên thủy là chế độ sở hữu chung về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động
- C. Xã hội cộng sản nguyên thủy đã tồn tại quyền lực Nhà nước
- D. Quyền lực trong xã hội cộng sản nguyên thủy là quyền lực xã hội, chưa mang tính giai cấp

15. Quyền lực trong xã hội cộng sản nguyên thủy mới chỉ là quyền lực xã hội vì?

- A. Chưa mang tính giai cấp
- B. Quyền lực gắn liền với xã hội, hòa nhập với xã hội
- C. Do toàn xã hội tổ chức ra và phục vụ lợi ích cho cả cộng đồng
- D. Bao gồm các đáp án

16. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, đây là khẳng định về nguồn gốc Nhà nước theo quan điểm của?

- A. Aristote
- B. J.J.Rousseau
- C. E.Duyring
- D. Mác-Lênin

17. Khi nghiên cứu về nguồn gốc Nhà nước, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Nhà nước ra đời trong điều kiện xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp
- B. Nhà nước chưa xuất hiện trong chế độ cộng sản nguyên thủy
- C. Nhà nước ra đời, tồn tại cùng với lịch sử xã hội loài người
- D. Nhà nước là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử

18. Khẳng định nào sau đây đúng khi đề cập về bản chất Nhà nước?

- A. Nhà nước nào cũng chỉ mang bản chất xã hội
- B. Mọi Nhà nước đều là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Bất cứ Nhà nước nào cũng thể hiện bản chất xã hội rõ nét hơn bản chất giai cấp
- D. Bất cứ Nhà nước nào cũng đều mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội

19. Bản chất giai cấp của Nhà nước được thể hiện?

- A. Nhà nước là công cụ bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động

- B. Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Nhà nước là công cụ để tổ chức, quản lý xã hội
- D. Cả A, B, C đều đúng

20. Bản chất xã hội của Nhà nước được thể hiện?

- A. Nhà nước là công cụ sắc bén để duy trì sự thống trị giai cấp
- B. Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác
- C. Nhà nước bảo đảm trật tự an toàn xã hội và giải quyết công việc chung của xã hội
- D. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt nằm trong tay giai cấp cầm quyền

21. Với bản chất là chuyên chính vô sản, “nó” không còn là Nhà nước theo đúng nghĩa nữa mà chỉ còn là “một nửa Nhà nước” - “nó” đó là Nhà nước?

- A. Nhà nước chủ nô
- B. Nhà nước phong kiến
- C. Nhà nước tư sản
- D. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

22. Nhà nước có mấy thuộc tính (đặc trưng)?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

23. Thuộc tính của Nhà nước được thể hiện?

- A. Nhà nước thiết lập một quyền lực xã hội
- B. Nhà nước có quyền ban hành những nội quy, điều lệ
- C. Nhà nước có lãnh thổ và thực hiện sự phân chia dân cư thành các đơn vị hành chính lãnh thổ
- D. Nhà nước có quyền quản lý mọi mặt đời sống xã hội

24. Nhà nước nào cũng có chức năng?

- A. Bảo đảm an ninh chính trị
- B. Phát triển kinh tế
- C. Đối nội và đối ngoại
- D. Ký kết điều ước quốc tế

25. Đề cập về mối quan hệ giữa các chức năng của Nhà nước, thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Chức năng đối nội và chức năng đối ngoại không liên quan đến nhau
- B. Chức năng đối nội là cơ sở cho việc thực hiện chức năng đối ngoại
- C. Kết quả của việc thực hiện chức năng đối ngoại có tác động đến việc thực hiện chức năng đối nội
- D. Chức năng đối nội có vai trò quan trọng hơn chức năng đối ngoại

26. Đối nội và đối ngoại là những mặt hoạt động chủ yếu của Nhà nước, đó chính là?

- A. Bản chất Nhà nước
- B. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước
- C. Cách thức tồn tại của Nhà nước
- D. Chức năng của Nhà nước

27. Việt Nam phối hợp với lực lượng an ninh các quốc gia trong khu vực giải quyết vấn đề tội phạm xuyên quốc gia, đây là hoạt động thể hiện?

- A. Chức năng của Nhà nước
- B. Chức năng đối ngoại của Nhà nước
- C. Nhiệm vụ của Nhà nước
- D. Mối quan hệ của Nhà nước Việt Nam

28. Đây mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay là nội dung thuộc về?

- A. Chức năng đối nội của Nhà nước
- B. Quyền hạn của Nhà nước
- C. Chức năng Nhà nước
- D. Nhiệm vụ của Nhà nước

29. Nguyên nhân dẫn đến sự thay thế các kiểu Nhà nước trong lịch sử là?

- A. Do ý chí của giai cấp thống trị xã hội
- B. Do sự phát triển tự nhiên của xã hội
- C. Do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội
- D. Do sự vận động, phát triển, thay thế các hình thái kinh tế - xã hội mà nhân tố làm nên sự thay thế đó là các cuộc cách mạng xã hội

30. Khi nghiên cứu về các kiểu Nhà nước trong lịch sử, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Tương ứng với mỗi hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử thì có một kiểu Nhà nước
- B. Cơ sở để xác định kiểu Nhà nước là các yếu tố kinh tế - xã hội tồn tại trong một giai đoạn lịch sử nhất định
- C. Nguyên nhân dẫn đến sự thay thế các kiểu Nhà nước trong lịch sử là do sự vận động, thay thế các hình thái kinh tế - xã hội
- D. Kiểu Nhà nước sau bao giờ cũng tiến bộ hơn kiểu Nhà nước trước

31. Kiểu Nhà nước đầu tiên trong lịch sử là?

- A. Nhà nước cộng sản nguyên thủy
- B. Nhà nước chủ nô
- C. Nhà nước phong kiến

D. Nhà nước tư sản

32. Hình thức chính thể của Nhà nước bao gồm các loại?

- A. Chính thể quân chủ và cộng hòa dân chủ
- B. Chính thể quân chủ và cộng hòa
- C. Chính thể cộng hòa tổng thống và cộng hòa đại nghị
- D. Chính thể quân chủ tuyệt đối và quân chủ tương đối

33. Chính thể quân chủ tuyệt đối thường xuất hiện ở chế độ xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Phong kiến
- C. Chiếm hữu nô lệ
- D. Tư bản chủ nghĩa

34. Hình thức chính thể nào là phổ biến trên thế giới?

- A. Cộng hòa tổng thống
- B. Quân chủ lập hiến
- C. Cộng hòa đại nghị
- D. Cộng hòa dân chủ

35. Hình thức Nhà nước được tạo thành từ các yếu tố?

- A. Hình thức kinh tế; chế độ kinh tế - chính trị; cấu trúc lãnh thổ
- B. Chế độ chính trị; chế độ kinh tế; chế độ văn hóa
- C. Hình thức chính thể; hình thức cấu trúc Nhà nước; chế độ chính trị
- D. Hình thức cấu trúc; hình thức chính thể; chế độ kinh tế - chính trị

36. Trong một quốc gia, tổ chức duy nhất được quyền phát hành tiền?

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Nhà nước
- D. Các tổ chức chính trị - xã hội

37. Lịch sử xã hội loài người đã tồn tại kiểu Nhà nước, bao gồm các kiểu Nhà nước là?

- A. 4: Chủ nô - Phong kiến - Tư hữu - XHCN
- B. 4: Chủ nô - Phong kiến - Tư sản - XHCN
- C. 4: Chủ nô - Chiếm hữu nô lệ - Tư bản - XHCN
- D. 4: Địa chủ - Nông nô, phong kiến - Tư bản - XHCN

38. Hình thức Nhà nước là cách tổ chức bộ máy quyền lực Nhà nước và phương pháp thực hiện quyền lực Nhà nước. Hình thức Nhà nước được thể hiện chủ yếu ở..... khía cạnh; đó là.....?

- A. 3 - hình thức chính thể, hình thức cấu trúc Nhà nước và chế độ KT - XH

- B. 3 - hình thức chính thể, hình thức cấu trúc Nhà nước và chế độ chính trị
- C. 3 - hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc Nhà nước và chế độ KT - XH
- D. 3 - hình thức chuyên chính, hình thức cấu trúc Nhà nước và chế độ chính trị

39. Chức năng nào dưới đây không phải là chức năng chính của Quốc hội?

- A. Chức năng lập pháp
- B. Chức năng giám sát tối cao
- C. Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước
- D. Chức năng công tố

40. Quyền lập pháp được hiểu là?

- A. Quyền ban hành và triển khai thực hiện pháp luật
- B. Thiết lập Hiến pháp
- C. Soạn thảo và ban hành pháp luật
- D. Thực hiện pháp luật

41. Quyền hành pháp được hiểu là?

- A. Quyền ban hành và triển khai thực hiện pháp luật
- B. Quyền ban hành pháp luật
- C. Quyền bảo vệ pháp luật
- D. Quyền tổ chức thực hiện pháp luật

42. Quyền tư pháp được hiểu là?

- A. Quyền xét xử
- B. Quyền ban hành pháp luật
- C. Quyền tổ chức thực hiện pháp luật
- D. Quyền bảo vệ pháp luật

Chương II: Những vấn đề cơ bản về pháp luật

43. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì nguyên nhân pháp luật ra đời là?

- A. Do có sự chia rẽ trong xã hội
- B. Do có sự phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp trong xã hội
- C. Do thượng đế tạo ra
- D. Do các thành viên trong xã hội ban hành

44. Pháp luật chưa tồn tại trong xã hội nào?

- A. Xã hội Phong kiến
- B. Xã hội Cộng sản nguyên thủy
- C. Xã hội Tư bản chủ nghĩa
- D. Xã hội Chiếm hữu nô lệ

45. *Mối quan hệ giữa cộng đồng trong xã hội nguyên thủy được điều chỉnh bởi?*

- A. Tập quán
- B. Tín điều tôn giáo
- C. Pháp luật
- D. Quy phạm xã hội

46. *Nhận định nào sau đây đúng khi nghiên cứu về sự ra đời của pháp luật?*

- A. Pháp luật là những quy tắc xã hội được lưu truyền qua nhiều thế hệ
- B. Nhà nước đã nâng tập quán từng tồn tại trở thành pháp luật
- C. Giai cấp thống trị đã chọn lọc những quy phạm xã hội còn phù hợp và ban hành các quy định mới để trở thành pháp luật
- D. Pháp luật ra đời là kết quả của cuộc tranh giành giữa các giai cấp

47. *Pháp luật là sản phẩm của?*

- A. Tôn giáo
- B. Đảng phái chính trị
- C. Đạo đức
- D. Nhà nước

48. *Nhận định nào sau đây đúng khi bàn về sự ra đời của pháp luật?*

- A. Pháp luật ra đời do nhu cầu khách quan của xã hội mà không cần đến vai trò của Nhà nước
- B. Pháp luật là sản phẩm của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp
- C. Ý chí chủ quan của Nhà nước được nâng thành pháp luật
- D. Pháp luật là sự thỏa hiệp về ý chí của mọi người trong xã hội

49. *Pháp luật là phương tiện để khẳng định vai trò của giai cấp thống trị đối với toàn xã hội, đây là nội dung thể hiện?*

- A. Thuộc tính của pháp luật
- B. Bản chất giai cấp của pháp luật
- C. Bản chất của pháp luật
- D. Bản chất xã hội của pháp luật

50. *Nhận định nào sau đây đúng khi bàn về bản chất của pháp luật?*

- A. Pháp luật mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội
- B. Pháp luật luôn chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị
- C. Trong mọi chế độ xã hội, pháp luật là công cụ bảo vệ lợi ích của nhân dân
- D. Bản chất giai cấp của pháp luật quan trọng hơn bản chất xã hội

51. *Nhận định nào sau đây sai khi bàn về bản chất của pháp luật?*

- A. Pháp luật mang bản chất giai cấp và bản chất xã hội
- B. Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp thống trị, bảo vệ lợi ích của Nhà nước
- C. Trong mọi chế độ xã hội, pháp luật là công cụ bảo vệ lợi ích của nhân dân

- D. Tùy vào mỗi kiểu pháp luật khác nhau, bản chất giai cấp hay bản chất xã hội sẽ thể hiện rõ nét hơn

52. Nhà nước ban hành pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội?

- A. Chủ yếu, quan trọng
- B. Điển hình, quan trọng
- C. Cơ bản, phổ biến, điển hình
- D. Tất cả các quan hệ xã hội

53. Tính quy phạm của pháp luật thể hiện giới hạn cần thiết để các chủ thể pháp luật tự do xử sự trong khuôn khổ Nhà nước quy định, giới hạn đó xác định ở các khía cạnh sau?

- A. Cho phép thực hiện
- B. Cấm đoán thực hiện
- C. Bắt buộc thực hiện
- D. Bao gồm các đáp án

54. Nội dung nào sau đây phù hợp với tính quy phạm và phổ biến của pháp luật?

- A. Phạm vi tác động của quy phạm xã hội rộng hơn so với pháp luật
- B. Ai cũng cần phải thực hiện theo các tín điều tôn giáo được ban hành
- C. Cơ quan có quyền ban hành pháp luật thì cũng có quyền không thực hiện pháp luật
- D. Phạm vi tác động của pháp luật rộng lớn cả về không gian, thời gian và đối tượng áp dụng

55. Ưu thế vượt trội của pháp luật so với các quy phạm xã hội khác là?

- A. Tính cưỡng chế
- B. Tính rộng rãi
- C. Tính xã hội
- D. Tồn tại trong thời gian dài

56. Pháp luật ghi nhận các quan hệ xã hội chủ yếu và xác định quyền, nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể trong quan hệ đó, thể hiện?

- A. Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội của pháp luật
- B. Chức năng của pháp luật
- C. Chức năng giáo dục của pháp luật
- D. Nhiệm vụ của pháp luật

57. Nhận định nào sau đây sai khi đề cập đến chức năng của pháp luật?

- A. Pháp luật bảo vệ tất cả các quan hệ xã hội
- B. Pháp luật tác động đến các quan hệ xã hội chủ yếu, tạo hành lang pháp lý an toàn cho quan hệ xã hội đó tồn tại, phát triển

- C. Chức năng giáo dục của pháp luật thể hiện tính răn đe đối với hành vi vi phạm pháp luật và phòng ngừa chung cho toàn xã hội
- D. Không đáp án nào sai

58. Người lao động đình công theo quy định pháp luật đòi tăng lương, giảm giờ làm, thể hiện vai trò nào sau đây của pháp luật?

- A. Pháp luật làm ổn định những quan hệ mới
- B. Pháp luật là phương tiện để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội
- C. Pháp luật là phương tiện để bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân
- D. Pháp luật là cơ sở để tạo lập mối quan hệ đối ngoại

59. Đề cập về mối quan hệ giữa pháp luật và Nhà nước, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Pháp luật và Nhà nước đều là hai yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng
- B. Nhà nước và pháp luật có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau
- C. Nhà nước đứng trên pháp luật vì Nhà nước ban hành ra pháp luật
- D. Pháp luật là phương tiện để tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước

60. Đề cập về mối quan hệ giữa pháp luật và Nhà nước, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Pháp luật và Nhà nước có chung điều kiện ra đời, tồn tại, thay đổi và tiêu vong
- B. Nhà nước và pháp luật có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau theo hướng tích cực hoặc tiêu cực
- C. Pháp luật đứng trên Nhà nước vì nó là cơ sở pháp lý thừa nhận sự tồn tại của Nhà nước
- D. Tương ứng với mỗi kiểu Nhà nước thì có một kiểu pháp luật

61. Pháp luật là công cụ bảo vệ lợi ích của?

- A. Tổ chức tôn giáo
- B. Giai cấp thống trị
- C. Nhà nước và xã hội
- D. Nhân dân

62. Đề cập về mối quan hệ giữa pháp luật và kinh tế, khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Đó là mối quan hệ giữa cơ sở thượng tầng và hạ tầng kiến trúc
- B. Pháp luật tác động đến kinh tế theo hướng tích cực hoặc tiêu cực
- C. Kinh tế giữ vai trò quyết định đối với pháp luật
- D. Pháp luật có tính độc lập tương đối và tác động mạnh mẽ đến kinh tế

63. Pháp luật công khai quy định về chế độ bóc lột nô lệ, thể hiện sự bất bình đẳng giữa chủ nô và nô lệ, đây là đặc điểm của kiểu pháp luật nào?

- A. Pháp luật chủ nô
- B. Pháp luật phong kiến

- C. Pháp luật tư sản
- D. Bao gồm các đáp án

64. Pháp luật quy định và bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền tự do dân chủ của nhân dân; hạn chế sự bóc lột, bảo vệ quyền lợi của nhân dân. Đây là đặc điểm của kiểu pháp luật nào?

- A. Pháp luật chủ nô
- B. Pháp luật phong kiến
- C. Pháp luật tư sản
- D. Các đáp án đều sai

65. Pháp luật quy định đẳng cấp trong xã hội và đặc quyền, đặc lợi của địa chủ, phong kiến. Đây là đặc trưng của kiểu pháp luật nào?

- A. Pháp luật chủ nô
- B. Pháp luật phong kiến
- C. Pháp luật tư sản
- D. Pháp luật XHCN

66. Chọn phương án đúng điền vào chỗ trống:là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của giai cấp mình lên thành pháp luật?

- A. Kiểu pháp luật
- B. Hình thức pháp luật
- C. Hình thức Nhà nước
- D. Hình thức văn bản

67. Kiểu pháp luật và hình thức pháp luật là hai khái niệm?

- A. Giống nhau
- B. Khác nhau
- C. Đối lập nhau
- D. Tương tự nhau

68. Hiện nay Việt Nam áp dụng hình thức pháp luật nào?

- A. Tập quán pháp
- B. Văn bản luật
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Án lệ pháp

69. Việc phân định kiểu pháp luật là dựa trên cơ sở?

- A. Hình thái kinh tế - xã hội và bản chất Nhà nước
- B. Hình thái kinh tế - xã hội
- C. Kiểu Nhà nước
- D. Hình thức Nhà nước

70. Kiểu pháp luật..... thể hiện rõ sự bất bình đẳng giữa hai cấp đối kháng trong xã hội, công khai thừa nhận nô lệ không phải là công dân, họ là tài sản của.....?

- A. Phong kiến - giai cấp địa chủ
- B. Tư sản - giai cấp thống trị
- C. Chủ nô - giai cấp phong kiến
- D. Chủ nô - giai cấp chủ nô

71. Trong lịch sử xã hội đã tồn tại các hình thức pháp luật sau?

- A. Tập quán pháp
- B. Án lệ pháp
- C. Tiền lệ pháp
- D. Các đáp án đều sai.

72. Trong lịch sử xã hội đã tồn tại các hình thức pháp luật sau?

- A. Tập quán pháp
- B. Văn bản quy phạm pháp luật
- C. Tiền lệ pháp
- D. Bao gồm các đáp án

73. Hình thức Nhà nước thừa nhận một số tập quán lưu truyền trong xã hội và quy định thành cách xử sự chung là hình thức pháp luật nào sau đây?

- A. Tập quán pháp
- B. Văn bản quy phạm pháp luật
- C. Tiền lệ pháp
- D. Tiền lệ pháp và tập quán pháp

74. Nhận định nào sau đây là sai khi đề cập về tập quán pháp?

- A. Tập quán pháp là hình thức Nhà nước thừa nhận một số tập quán lưu truyền trong xã hội và quy định thành cách xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện
- B. Hình thức pháp luật xuất hiện sớm nhất là tập quán pháp
- C. Tất cả các tập quán đều trở thành pháp luật
- D. Hiện nay hình thức tập quán pháp được sử dụng hạn chế tại một số nước

75. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Tập quán pháp là hình thức Nhà nước thừa nhận một số tập quán lưu truyền trong xã hội và quy định thành cách xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện
- B. Hình thức tập quán pháp được sử dụng nhiều trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa
- C. Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật tiến bộ nhất
- D. Hình thức tiền lệ pháp còn gọi là án lệ pháp

76. Việc Nhà nước thừa nhận một số quyết định của cơ quan hành chính và cơ quan xét xử trước đây làm mẫu để giải quyết các vụ việc tương tự xảy ra về sau gọi là hình thức pháp luật nào?

- A. Luật lệ pháp
- B. Tiên lệ pháp
- C. Văn bản quy phạm pháp luật
- D. Tương tự pháp

77. Khẳng định nào sau đây sai khi đề cập về hình thức tiên lệ pháp?

- A. Tiên lệ pháp là hình thức Nhà nước thừa nhận một số quyết định của cơ quan hành chính và cơ quan xét xử trước đây làm mẫu để giải quyết các vụ việc tương tự xảy ra về sau
- B. Hiện nay hình thức tiên lệ pháp được áp dụng phổ biến ở một số nước như Anh, Mỹ, Việt Nam
- C. Hạn chế của hình thức tiên lệ pháp là dễ tạo ra sự tùy tiện khi xử lý vi phạm
- D. Việc áp dụng án lệ pháp phải tuân theo trình tự, thủ tục chặt chẽ

78. Hình thức pháp luật này ngày càng được sử dụng rộng rãi ở các quốc gia vì nó khắc phục được những hạn chế của các hình thức pháp luật khác và có tính rõ ràng, cụ thể, được ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định, đó là?

- A. Tiên lệ pháp
- B. Văn bản quy phạm pháp luật
- C. Văn bản luật
- D. Tập quán pháp

79. Đáp án nào sau đây không thuộc kiểu pháp luật chủ nô?

- A. Bộ luật Hammurabi
- B. Quốc triều hình luật
- C. Bộ luật Manu
- D. Luật Đôracông

80. Trong các bộ luật nổi tiếng sau thuộc kiểu pháp luật chủ nô, bộ luật nào hoàn thiện nhất?

- A. Bộ luật Hammurabi của Nhà nước CHNL Babilon
- B. Bộ luật Manu của Nhà nước CHNL Ấn Độ
- C. Luật mười hai bảng của Nhà nước CHNL La Mã
- D. Luật Đôracông của Nhà nước CHNL Hy Lạp

81. Để bảo đảm cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện, Nhà nước có những biện pháp nào?

- A. Biện pháp về mặt kinh tế
- B. Biện pháp về mặt tổ chức
- C. Biện pháp cưỡng chế Nhà nước
- D. Bao gồm các đáp án

Chương III: Quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật

82. Các đáp án sau đều là quy phạm pháp luật, ngoại trừ?

- A. Nghị quyết của Quốc hội
- B. Quyết định của Chủ tịch nước
- C. Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
- D. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

83. Các đáp án sau đều là quy phạm pháp luật, ngoại trừ?

- A. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
- B. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- C. Điều lệ Hội Cựu chiến binh
- D. Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội

84. Các đáp án sau đều là quy phạm pháp luật, ngoại trừ?

- A. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao
- B. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- C. Nghị quyết của Đảng Cộng sản
- D. Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội

85. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự mang tính..... do..... ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các.....?

- A. Bắt buộc chung - Nhà nước - quan hệ pháp luật
- B. Bắt buộc - Nhà nước - quan hệ xã hội
- C. Bắt buộc chung - Quốc hội - quan hệ xã hội
- D. Bắt buộc chung - Nhà nước - quan hệ xã hội

86. Những quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định, các quy tắc đó gọi là?

- A. Quy phạm luật pháp
- B. Vi phạm pháp luật
- C. Quy phạm pháp luật
- D. Văn bản pháp luật

87. Quy phạm pháp luật tồn tại trong xã hội nào?

- A. Xã hội có giai cấp
- B. Xã hội có Nhà nước
- C. Các đáp án đều đúng
- D. Xã hội có tư hữu

88. Quy phạm pháp luật là?

- A. Quy tắc xử sự chung tồn tại từ xã hội nguyên thủy đến nay để điều chỉnh các quan hệ xã hội

- B. Các quy phạm xã hội được lưu truyền từ xưa đến nay để điều chỉnh các quan hệ xã hội
- C. Quy tắc được hình thành dựa trên nhận thức về các quy luật tự nhiên, điều chỉnh mối quan hệ giữa người và máy móc
- D. Những quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng và nhằm đạt được những mục đích nhất định

89. Quy phạm pháp luật và quy phạm xã hội?

- A. Là hai khái niệm đồng nhất
- B. Hoàn toàn giống nhau
- C. Hoàn toàn khác nhau
- D. Vừa có điểm giống nhau, vừa có điểm khác nhau

90. Trong xã hội có giai cấp, quy phạm nào sau đây có vai trò quan trọng nhất đối với việc duy trì trật tự xã hội?

- A. Quy phạm tập quán
- B. Quy phạm tôn giáo
- C. Quy phạm pháp luật
- D. Quy phạm đạo đức

91. Đặc điểm khác biệt nhất của quy phạm pháp luật so với các quy phạm xã hội khác là?

- A. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung
- B. Quy phạm pháp luật có tính hệ thống
- C. Quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và bảo đảm thực hiện
- D. Nội dung của quy phạm pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên tham gia quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh

92. Cấu trúc pháp lý của một quy phạm pháp luật thông thường gồm có các bộ phận?

- A. Giả định
- B. Quy định
- C. Chế tài
- D. Bao gồm các đáp án

93. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống:của quy phạm pháp luật chứa đựng mệnh lệnh của Nhà nước?

- A. Bộ phận giả định
- B. Bộ phận quy định
- C. Bộ phận chế tài
- D. Bộ phận quy định và bộ phận chế tài

94. Những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế cuộc sống mà Nhà nước dự liệu và dùng pháp luật tác động, được ghi nhận tại bộ phận..... của quy phạm pháp luật?

- A. Giả định
- B. Giả thuyết
- C. Quy định
- D. Giả định và quy định

95. Bộ phận nào sau đây không thể thiếu trong một quy phạm pháp luật?

- A. Bộ phận giả định và bộ phận chế tài
- B. Bộ phận giả định
- C. Bộ phận quy định
- D. Bộ phận chế tài

96. Trong một quy phạm pháp luật, bộ phận quan trọng nhất là?

- A. Bộ phận quy định và bộ phận chế tài
- B. Bộ phận giả định
- C. Bộ phận quy định
- D. Bộ phận chế tài

97. Bộ phận nào của quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh?

- A. Giả định
- B. Quy định
- C. Chế tài
- D. Cả A, B, C đều đúng

98. Giới hạn Nhà nước đưa ra cho phép, cấm đoán, bắt buộc các chủ thể thực hiện hành vi hoặc tiến hành một công việc nhất định được ghi nhận tại bộ phận..... của quy phạm pháp luật?

- A. Giả định
- B. Chế định
- C. Quy định
- D. Chế tài

99. Giả định nêu lên nhiều điều kiện, hoàn cảnh và giữa chúng có mối liên hệ với nhau, gọi là?

- A. Giả định đơn giản
- B. Giả định phức hợp
- C. Giả định phức tạp
- D. Giả thuyết phức tạp

100. Những biện pháp cưỡng chế Nhà nước dự liệu áp dụng đối với chủ thể không thực hiện đúng pháp luật được ghi nhận tại bộ phận..... của quy phạm pháp luật?

- A. Giả định
- B. Quy định
- C. Chế định
- D. Chế tài

101. Một quy phạm pháp luật thông thường cấu trúc gồm có các bộ phận?

- A. Giả định, chế định, chế tài
- B. Giả thuyết, quy định, chế tài
- C. Giả định, chế tài
- D. Giả định, quy định, chế tài

102. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống: là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân thành các chế định pháp luật, các ngành luật và được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành?

- A. Quan hệ pháp luật
- B. Hệ thống pháp luật
- C. Quy phạm pháp luật
- D. Ngành luật

103. Cấu trúc của hệ thống pháp luật được thể hiện?

- A. Cấu trúc bên trong gồm: quy phạm pháp luật, chế định pháp luật và ngành luật
- B. Cấu trúc bên trong và hình thức biểu hiện bên ngoài
- C. Hệ thống các văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
- D. Cả A, B, C đều đúng

104. Cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật được hợp thành từ những yếu tố nào?

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Chế định pháp luật
- C. Ngành luật
- D. Bao gồm cả A, B, C

105. Hình thức biểu hiện bên ngoài của hệ thống pháp luật là?

- A. Các quy phạm pháp luật
- B. Các loại văn bản luật
- C. Các văn bản quy phạm pháp luật
- D. Các ngành luật

106. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống:là đơn vị nhỏ nhất cấu thành nên hệ thống pháp luật

- A. Ngành luật
- B. Văn bản pháp luật
- C. Chế định pháp luật
- D. Quy phạm pháp luật

107. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống:là một nhóm các quy phạm pháp luật có đặc điểm chung, cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất?

- A. Ngành luật
- B. Chế định pháp luật
- C. Quan hệ pháp luật
- D. Quy phạm pháp luật

108. Chọn phương án đúng nhất điền vào chỗ trống:là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ cùng loại trong một lĩnh vực nhất định của đời sống xã hội?

- A. Hệ thống pháp luật
- B. Quan hệ pháp luật
- C. Pháp luật
- D. Ngành luật

109. Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do?

- A. Quốc hội ban hành
- B. Chủ tịch nước ban hành
- C. Chính phủ ban hành
- D. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành

110. Tính thứ bậc của các loại văn bản pháp luật được xác định theo thứ tự?

- A. Hiến pháp - Pháp lệnh - Các bộ luật, đạo luật - Các văn bản dưới luật
- B. Hiến pháp - Các bộ luật, đạo luật - Các văn bản dưới luật
- C. Các bộ luật, đạo luật - Hiến pháp - Pháp lệnh - Các văn bản dưới luật
- D. Pháp lệnh - Hiến pháp - Các bộ luật, đạo luật - Các văn bản dưới luật

111. Tiêu chuẩn xác định một hệ thống pháp luật hoàn thiện là?

- A. Tính toàn diện, tính đồng bộ
- B. Tính phù hợp
- C. Trình độ kỹ thuật pháp lý cao
- D. Cả A, B, C đều đúng

112. Trình tự trình bày các bộ phận giả định, quy định, chế tài của quy phạm pháp luật là?

- A. Giả định - Quy định - Chế tài
- B. Quy định - Chế tài - Giả định

- C. Giả định - Chế tài - Quy định
- D. Không nhất thiết phải như A, B, C

113. Các cơ quan được phép ban hành Nghị quyết?

- A. Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội
- B. Chính phủ, Quốc hội
- C. Quốc hội; Hội đồng nhân dân
- D. Cả A, B, C đều đúng

114. Chủ tịch nước được quyền ban hành?

- A. Lệnh, Quyết định
- B. Lệnh; Nghị quyết
- C. Nghị quyết; Nghị định
- D. Quyết định; Chỉ thị; Thông tư

115. Bộ trưởng có quyền ban hành?

- A. Quyết định; Nghị quyết; Chỉ thị
- B. Quyết định; Chỉ thị; Lệnh
- C. Quyết định; Chỉ thị; Thông tư
- D. Thông tư

116. Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân ban hành?

- A. Quyết định; Nghị quyết
- B. Quyết định; Chỉ thị
- C. Nghị quyết
- D. Quyết định; Thông tư

117. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao không có quyền ban hành?

- A. Nghị quyết
- B. Quyết định; chỉ thị; thông tư
- C. Thông tư
- D. Nghị quyết; thông tư

118. Thủ tướng Chính phủ không có quyền ban hành?

- A. Nghị quyết
- B. Quyết định
- C. Quyết định; chỉ thị
- D. Cả A, B, C đều sai

119. Theo quy định pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật chỉ có hiệu lực thi hành khi?

- A. Văn bản quy phạm pháp luật đã được đăng công báo, trừ một số trường hợp đặc biệt được pháp luật quy định

- B. Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được công bố
- C. Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành
- D. Sau khi văn bản quy phạm pháp luật được thông qua

120. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật?

- A. Được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật
- B. Được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nhưng không sớm hơn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành
- C. Kể từ ngày công bố văn bản quy phạm pháp luật
- D. Kể từ ngày ký ban hành văn bản quy phạm pháp luật

121. Trường hợp Chính phủ ban hành một Nghị định mới thay thế cho một Nghị định đã được ban hành trước đó thì Nghị định đã ban hành trước đây sẽ?

- A. Phát sinh hiệu lực
- B. Tiếp tục có hiệu lực
- C. Châm dứt hiệu lực
- D. Ngưng hiệu lực

122. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hiệu lực hồi tố của văn bản quy phạm pháp luật được Nhà nước thừa nhận và áp dụng phổ biến
- B. Hiệu lực hồi tố của văn bản quy phạm pháp luật cho phép quy định trách nhiệm pháp lý mới đối với hành vi mà vào thời điểm thực hiện hành vi đó pháp luật không quy định trách nhiệm pháp lý
- C. Trong mọi trường hợp đều không áp dụng hiệu lực hồi tố của văn bản quy phạm pháp luật
- D. Trong những trường hợp thật cần thiết, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo XHCN, Nhà nước cho phép sử dụng hiệu lực hồi tố trong một số quy phạm cụ thể.

123. Một hệ thống pháp luật hoàn thiện được xác định dựa trên các tiêu chí nào?

- A. Tính thống nhất, tính toàn diện, tính phù hợp
- B. Tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp, trình độ kỹ thuật pháp lý cao
- C. Tính đầy đủ, tính hợp lý, tính thống nhất, trình độ kỹ thuật pháp lý cao
- D. Cả A, C đều đúng

Chương IV: Quan hệ pháp luật

124. Những quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội, được các quy phạm pháp luật điều chỉnh trong đó các chủ thể có những quyền và nghĩa vụ pháp lý nhất định, các quan hệ này là?

- A. Quan hệ pháp luật
- B. Quan hệ xã hội
- C. Vi phạm pháp luật

D. Quan hệ kinh tế

125. Quan hệ pháp luật là?

- A. Quan hệ nảy sinh trong xã hội được các quy phạm pháp luật điều chỉnh
- B. Quan hệ xã hội
- C. Những quan hệ phát sinh khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra
- D. Quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ gia đình

126. Quan hệ pháp luật là hình thức đặc biệt của?

- A. Quan hệ lao động
- B. Quan hệ xã hội
- C. Quy phạm pháp luật
- D. Quan hệ chính trị

127. Quan hệ xã hội và quan hệ pháp luật có điểm giống nhau là?

- A. đều là những quan hệ được pháp luật điều chỉnh
- B. đều là những quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội
- C. đều là những quan hệ nảy sinh trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa
- D. Cả A, B, C đều đúng

128. Để quan hệ xã hội trở thành quan hệ pháp luật cần phải có?

- A. Quy phạm pháp luật và sự kiện pháp lý
- B. Quyền và nghĩa vụ quy định trong quy phạm pháp luật
- C. Chủ thể và khách thể quan hệ pháp luật
- D. Sự điều chỉnh của pháp luật

129. Quan hệ nào sau đây là quan hệ pháp luật?

- A. Quan hệ tình yêu nam nữ
- B. Quan hệ vợ chồng
- C. Quan hệ bạn bè
- D. Cả A, B, C đều đúng

130. Đặc điểm của quan hệ pháp luật là?

- A. Các quan hệ trong cuộc sống
- B. Quan hệ mang tính ý chí
- C. Các quan hệ trong sản xuất và kinh doanh
- D. Quan hệ do Nhà nước quy định

131. Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội có ý chí, ý chí đó là của?

- A. Nhà nước
- B. Nhà nước và các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật
- C. Cá nhân và tổ chức
- D. Các đáp án đều sai

132. Quan hệ pháp luật là quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi?

- A. Nhà nước
- B. Pháp luật
- C. Quy tắc tôn giáo
- D. Nghị quyết của Đảng

133. Quy phạm pháp luật chỉ có thể làm nảy sinh quan hệ pháp luật giữa các chủ thể khi gắn liền với?

- A. Nhà nước
- B. Sự kiện pháp lý
- C. Nghĩa vụ pháp lý
- D. Bao gồm các đáp án

134. Quan hệ pháp luật phát sinh, thay đổi, chấm dứt dưới tác động của?

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Năng lực chủ thể
- C. Sự kiện pháp lý
- D. Cả A, B, C đều đúng

135. Nội dung của quan hệ pháp luật được thể hiện?

- A. Chủ thể tham gia thực hiện quyền theo quy định của pháp luật
- B. Chủ thể tham gia là các cá nhân hoặc tổ chức có đủ tư cách pháp lý
- C. Chủ thể tham gia có những quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định
- D. Chủ thể tham gia phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

136. Một cá nhân trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật cần phải?

- A. Thực hiện nghĩa vụ pháp lý do pháp luật quy định
- B. Không mắc bệnh tâm thần
- C. Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi
- D. Cả A, B, C đều đúng

137. Cấu trúc pháp lý của một quan hệ pháp luật gồm các yếu tố cơ bản như sau?

- A. Quyền và nghĩa vụ của các bên
- B. Chủ thể, khách thể và nội dung
- C. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi
- D. Bao gồm cả A, B, C

138. Chủ thể của quan hệ pháp luật là?

- A. Nhà nước, tất cả mọi cá nhân và tổ chức trong xã hội
- B. Những tổ chức có tiềm lực kinh tế
- C. Cá nhân hay tổ chức có năng lực chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật
- D. Những cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên và có trí óc bình thường

139. Năng lực pháp luật của cá nhân xuất hiện từ khi?

- A. Cá nhân đủ 18 tuổi
- B. Cá nhân sinh ra
- C. Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật
- D. Cá nhân có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình

140. Khi nghiên cứu về năng lực chủ thể quan hệ pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Năng lực pháp luật là tiền đề cho năng lực hành vi
- B. Năng lực pháp luật là khả năng có quyền và nghĩa vụ pháp lý mà nhà nước quy định cho các tổ chức, cá nhân nhất định
- C. Năng lực pháp luật của người thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên
- D. Năng lực pháp luật của cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản luật

141. Khi nghiên cứu về năng lực chủ thể của quan hệ pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Cá nhân có năng lực pháp luật thì cũng có năng lực hành vi
- B. Cá nhân có năng lực hành vi thì cũng có năng lực pháp luật
- C. Cá nhân không có năng lực hành vi thì cũng không có năng lực pháp luật
- D. Cả A, B, C đều đúng

142. Năng lực hành vi của cá nhân chỉ xuất hiện khi?

- A. Cá nhân đủ 18 tuổi, không mắc bệnh tâm thần
- B. Cá nhân đủ 16 tuổi, có trí óc bình thường
- C. Cá nhân đã đến độ tuổi nhất định và có những điều kiện nhất định
- D. Được Nhà nước quy định

143. Một tổ chức có tư cách pháp nhân khi có điều kiện?

- A. Được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ
- B. Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác
- C. Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập
- D. Cả A, B, C đều đúng

144. Khi nghiên cứu về chủ thể quan hệ pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Tất cả mọi cá nhân đều có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật
- B. Tất cả mọi tổ chức đều có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật
- C. Tất cả mọi cá nhân và tổ chức có đủ những điều kiện do pháp luật quy định đều có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật
- D. Tất cả các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong xã hội đều có thể trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật

145. Khi nghiên cứu về quyền chủ thể trong quan hệ pháp luật, thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Khả năng được lựa chọn những xử sự theo ý muốn chủ quan của mình
- B. Khả năng yêu cầu các chủ thể khác thực hiện nghĩa vụ để bảo đảm việc thực hiện quyền của mình
- C. Khả năng yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền của mình khi bị phía chủ thể bên kia vi phạm
- D. Cả A, B, C đều đúng

146. Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể gồm có?

- A. Chủ thể phải tiến hành một số hành vi nhất định do pháp luật quy định
- B. Chủ thể phải tự kiềm chế, không được thực hiện một số hành vi nhất định
- C. Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện theo cách xử sự bắt buộc mà pháp luật đã quy định
- D. Cả A, B, C đều đúng

147. Khách thể của quan hệ pháp luật là?

- A. Các lợi ích vật chất hoặc tinh thần
- B. Các quy định của cơ quan Nhà nước
- C. Lợi ích vật chất mà các chủ thể của quan hệ đó hướng tới khi tham gia quan hệ
- D. Yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia quan hệ pháp luật

148. Sự kiện pháp lý là những sự kiện xảy ra?

- A. Từ hành vi xử sự của con người
- B. Từ thực tiễn đời sống xã hội
- C. Trong thực tiễn đời sống mà sự xuất hiện hay mất đi của nó được pháp luật gắn với việc hình thành, thay đổi hay chấm dứt quan hệ pháp luật
- D. Cả A, B, C đều đúng

149. Khi nghiên cứu về chủ thể quan hệ pháp luật thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Mọi cá nhân đều có năng lực hành vi như nhau
- B. Mọi cá nhân đạt độ tuổi do luật định được tham gia vào tất cả quan hệ pháp luật
- C. Mọi tổ chức đều được tham gia vào tất cả quan hệ pháp luật
- D. Mọi chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật đều có quyền và nghĩa vụ nhất định

150. Khi nghiên cứu về đặc điểm của quan hệ pháp luật thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Quan hệ pháp luật là loại quan hệ có ý chí
- B. Quan hệ pháp luật xuất hiện dựa trên cơ sở quy phạm pháp luật
- C. Quan hệ pháp luật do Nhà nước quy định
- D. Quan hệ pháp luật luôn gắn liền với sự kiện pháp lý

151. Khả năng chủ thể có quyền hoặc có nghĩa vụ pháp lý do Nhà nước quy định, gọi là?

- A. Khả năng pháp lý
- B. Năng lực pháp luật
- C. Năng lực hành vi
- D. Bao gồm các đáp án

152. Khả năng Nhà nước thừa nhận cho chủ thể bằng hành vi của mình có thể xác lập và thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ pháp lý, gọi là?

- A. Khả năng hành vi
- B. Năng lực pháp luật
- C. Năng lực hành vi
- D. Năng lực pháp lý

153. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi là những thuộc tính không tách rời của mỗi cá nhân, đều do Nhà nước thừa nhận cho họ nên gọi là?

- A. Thuộc tính tự nhiên
- B. Năng lực pháp lý
- C. Thuộc tính pháp lý
- D. Bao gồm các đáp án

154. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Năng lực pháp luật là tiền đề của năng lực hành vi
- B. Năng lực hành vi đầy đủ chỉ có ở những chủ thể đáp ứng đầy đủ các điều kiện do pháp luật quy định
- C. Năng lực pháp luật và năng lực hành vi là những thuộc tính tự nhiên của mỗi cá nhân, có sẵn khi cá nhân sinh ra
- D. Năng lực chủ thể pháp luật luôn mang tính giai cấp

155. Chủ thể phổ biến nhất tham gia vào quan hệ pháp luật là?

- A. Cá nhân
- B. Pháp nhân
- C. Tổ chức
- D. Hộ gia đình

Chương V: Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

156. Quá trình hoạt động có mục đích nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật, gọi là?

- A. Áp dụng pháp luật
- B. Thực thi pháp luật
- C. Thực hiện pháp luật
- D. Thi hành pháp luật

157. Hãy xác định khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Hành vi thực hiện pháp luật của chủ thể rất phong phú, đa dạng
- B. Chủ thể thực hiện pháp luật biểu hiện bằng hành vi hành động hoặc không hành động
- C. Việc thực hiện pháp luật biểu hiện bằng hành vi hành động hoặc không hành động, hành vi hợp pháp hoặc không hợp pháp
- D. Quá trình thực hiện pháp luật thể hiện nhận thức và thái độ của chủ thể trước pháp luật

158. Hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành trong các trường hợp?

- A. Khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước đối với những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật.
- B. Khi cần có sự tham gia của Nhà nước để làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể pháp luật.
- C. Khi xảy ra tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật mà các bên không tự giải quyết được.
- D. Cả A, B, C đều đúng

159. Có..... hình thức thực hiện pháp luật, bao gồm?

- A. 4 - Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật
- B. 4- Tuân thủ pháp luật, thực thi pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật
- C. 4- Tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật
- D. 4- Tuân theo pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật

160. Các chủ thể pháp luật kiểm chế không tiến hành những hành vi mà pháp luật ngăn cấm, đây là hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Tuân theo pháp luật
- B. Chấp hành pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật
- D. Tuân thủ và chấp hành pháp luật

161. Loại quy phạm pháp luật nào được thực hiện trong hình thức tuân thủ pháp luật?

- A. Cho phép
- B. Ngăn ngừa
- C. Cấm đoán
- D. Bắt buộc

162. Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật mang tính?

- A. Chủ động
- B. Bất động
- C. Thụ động

D. Năng động

163. So với tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật mang tính?

- A. Biến động
- B. Bất động
- C. Chủ động
- D. Bị động

164. Khẳng định nào sai khi nghiên cứu về hình thức thi hành pháp luật?

- A. Việc thi hành pháp luật phụ thuộc chủ thể muốn hay không mong muốn thực hiện
- B. Tương ứng với hình thức thi hành pháp luật, có loại quy phạm pháp luật bắt buộc
- C. Chủ thể thực hiện pháp luật mang tính tích cực, chủ động
- D. Thi hành pháp luật là chủ thể pháp luật phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực

165. Khẳng định nào sai khi nghiên cứu về hình thức sử dụng pháp luật?

- A. Chủ thể pháp luật có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền pháp luật quy định
- B. Tương ứng với hình thức sử dụng pháp luật là loại quy phạm pháp luật bắt buộc
- C. Việc sử dụng pháp luật phụ thuộc rất lớn vào năng lực hành vi của chủ thể
- D. Chủ thể sử dụng pháp luật để hiện thực hóa các quyền và lợi ích của mình được pháp luật cho phép

166. Hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành bởi?

- A. Tất cả các chủ thể
- B. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- C. Công dân, người nước ngoài
- D. Các tổ chức tôn giáo

167. Quyết định áp dụng pháp luật?

- A. Nội dung phải đúng thẩm quyền cơ quan và người ký (ban hành) phải là người có thẩm quyền ký
- B. Phải phù hợp với văn bản của cấp trên
- C. Phải phù hợp với lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của công dân
- D. Tất cả các phương án đều đúng

168. Hoạt động áp dụng pháp luật?

- A. Là hoạt động mang tính cá biệt - cụ thể và không thể hiện quyền lực Nhà nước
- B. Là hoạt động không mang tính cá biệt - cụ thể nhưng thể hiện quyền lực Nhà nước
- C. Là hoạt động vừa mang tính cá biệt - cụ thể, vừa thể hiện quyền lực Nhà nước
- D. Tất cả các phương án đều đúng

169. Văn bản áp dụng pháp luật được ban hành trong hoạt động?

- A. Thi hành pháp luật
- B. Áp dụng pháp luật
- C. Tuân thủ pháp luật
- D. Sử dụng pháp luật

170. Khẳng định nào sai khi nghiên cứu về hình thức áp dụng pháp luật?

- A. Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật đồng thời còn là hoạt động của cơ quan Nhà nước
- B. Trong hình thức áp dụng pháp luật, các chủ thể pháp luật tự mình thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý do pháp luật quy định
- C. Hoạt động áp dụng pháp luật luôn mang tính quyền lực Nhà nước
- D. Văn bản áp dụng pháp luật có tính chất cá biệt, áp dụng một lần đối với cá nhân, tổ chức cụ thể trong những trường hợp cụ thể

171. Tìm đáp án đúng điền vào chỗ trống trong câu sau:là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ?

- A. Quy phạm pháp luật
- B. Hành vi bất hợp pháp
- C. Tội phạm
- D. Vi phạm pháp luật

172. Hành vi nào sau đây là hành vi trái pháp luật?

- A. Hành vi vi phạm Nghị quyết Đảng
- B. Hành vi vi phạm Điều lệ Hội Phụ nữ
- C. Sao chép bài của người khác trong giờ thi học kỳ
- D. Cả A, B, C đều đúng

173. Vi phạm pháp luật là?

- A. Tàn dư của xã hội cũ
- B. Hiện tượng xã hội
- C. Hiện tượng chủ quan
- D. Hiện tượng nhất thời

174. Hành vi trái pháp luật nào sau đây là dạng hành vi không hành động?

- A. Giúp người khác tự sát
- B. Tàng trữ vũ khí
- C. Không tố giác người phạm tội
- D. Môi giới mại dâm

175. Ông A vận chuyển gia cầm bị bệnh, bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và buộc phải tiêu hủy hết số gia cầm bị bệnh này. Đây là biện pháp chế tài?

- A. Dân sự
- B. Hình sự
- C. Hành chính
- D. Kỷ luật

176. Hãy xác định câu sai?

- A. Vi phạm pháp luật là hành vi xác định của con người, hành vi đó đã thể hiện ra thực tế khách quan
- B. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có năng lực pháp luật
- C. Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật xác lập và bảo vệ
- D. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có lỗi

177. Hãy xác định câu sai?

- A. Quy phạm pháp luật là hành vi xác định của con người, hành vi đó đã thể hiện ra thực tế khách quan
- B. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có năng lực trách nhiệm pháp lý
- C. Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật xác lập và bảo vệ
- D. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có lỗi

178. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý khi có đủ điều kiện sau?

- A. Đạt độ tuổi do pháp luật quy định, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi
- B. Đạt độ tuổi do pháp luật quy định, có năng lực pháp luật
- C. Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi
- D. Từ 18 tuổi trở lên và có trí óc bình thường

179. Các hành vi sau đều trái pháp luật, ngoại trừ?

- A. Tổ chức đánh bạc
- B. Đổ rác thải xuống kênh rạch
- C. Không thực hiện nghĩa vụ quân sự
- D. Không cho bạn mượn xe đạp

180. Hãy xác định câu sai?

- A. Vi phạm pháp luật là hành vi xác định của con người, hành vi đó đã thể hiện ra thực tế khách quan
- B. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có năng lực trách nhiệm pháp lý
- C. Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật xác lập và bảo vệ
- D. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật phải có lỗi cố ý

181. Hành vi nào sau đây không là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Anh A chia tay người yêu
- B. A ngược đãi cha mẹ
- C. A ép buộc con gái kết hôn
- D. A hành hung vợ

182. Những biểu hiện ra bên ngoài của vi phạm pháp luật gọi là?

- A. Mặt khách quan của vi phạm pháp luật
- B. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật
- C. Hành vi vi phạm pháp luật
- D. Hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật

183. Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật bao gồm?

- A. Chủ thể, mặt khách thể, mặt khách quan, chủ quan
- B. Chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan
- C. Chủ thể, chủ quan, khách thể, khách quan
- D. Chủ thể, mặt chủ quan, khách thể, khách quan

184. Mặt khách quan của hành vi vi phạm pháp luật bao gồm?

- A. Hành vi trái pháp luật và hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra
- B. Mọi quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại gây ra cho xã hội
- C. Thời gian, địa điểm, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm pháp luật
- D. Bao gồm các đáp án

185. Những biểu hiện, diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật gọi là?

- A. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật
- B. Nhận thức, thái độ của chủ thể
- C. Chủ thể vi phạm pháp luật
- D. Bao gồm các đáp án

186. Các yếu tố thuộc mặt chủ quan của vi phạm pháp luật bao gồm?

- A. Lỗi, động cơ, mục đích
- B. Lỗi, động cơ, kết quả
- C. Lỗi, động cơ, mục tiêu
- D. Các đáp án đều sai

187. Khẳng định nào sai khi nghiên cứu về mặt chủ quan của vi phạm pháp luật?

- A. Chỉ khi nào hành vi trái pháp luật được chủ thể thực hiện một cách cố ý thì mới có thể là hành vi vi phạm pháp luật
- B. Lỗi là một trong những căn cứ để xác định mức độ trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật

- C. Lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật mà mình đã thực hiện và hậu quả do hành vi gây ra
- D. Động cơ là cái thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

188. Khẳng định nào đúng khi nghiên cứu về mặt chủ quan của vi phạm pháp luật?

- A. Tùy thuộc vào trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với chủ thể để xác định lỗi của chủ thể vi phạm pháp luật
- B. Mục đích của hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố bắt buộc trong mọi cấu thành vi phạm pháp luật
- C. Mục đích là cái mốc đạt đến của chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật
- D. Lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật mà mình đã thực hiện

189. Chọn đáp án phù hợp: Chủ thể vi phạm pháp luật là cá nhân hoặc tổ chức có..... đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Khả năng
- B. Năng lực pháp luật
- C. Năng lực trách nhiệm pháp lý
- D. Năng lực hành vi

190. Chọn đáp án phù hợp: Khách thể của vi phạm pháp luật là những..... được pháp luật xác lập, bảo vệ nhưng đã bị xâm hại bởi hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Quan hệ pháp luật
- B. Quan hệ tài sản
- C. Quan hệ xã hội
- D. Đối tượng

191. Xác định đáp án sai trong các khẳng định sau?

- A. Khách thể của vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật xác lập, bảo vệ nhưng đã bị xâm hại bởi hành vi vi phạm pháp luật
- B. Cá nhân không có năng lực trách nhiệm pháp lý thì không trở thành chủ thể của vi phạm pháp luật
- C. Tính chất và tầm quan trọng của khách thể bị xâm hại không liên quan đến việc xác định trách nhiệm pháp lý của chủ thể đã vi phạm pháp luật
- D. Khách thể của vi phạm pháp luật là yếu tố bắt buộc trong mọi cấu thành vi phạm pháp luật

192. Nguyên nhân của vi phạm pháp luật?

- A. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất
- B. Tàn dư, tập tục đã lỗi thời của xã hội cũ còn rơi rớt lại
- C. Trình độ dân trí và ý thức pháp luật thấp của nhiều tầng lớp dân cư
- D. Tất cả các phương án đều đúng

193. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, phải do chính họ gánh chịu một cách trực tiếp, chứ không thể chuyển hay ủy thác cho người khác
- B. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, họ có thể chuyển hay ủy thác cho người khác thực hiện
- C. Trách nhiệm hình sự là trách nhiệm thuộc về cá nhân người phạm tội, họ có thể chuyển hay ủy thác cho người khác thực hiện khi được Tòa án cho phép
- D. Tất cả các phương án đều sai

194. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Chỉ có vi phạm pháp luật mới phải chịu trách nhiệm pháp lý
- B. Các vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức, vi phạm quy tắc tôn giáo, vi phạm tập quán... đều phải chịu trách nhiệm pháp lý
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

195. Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với cá nhân thực hiện hành vi phạm tội
- B. Trách nhiệm hình sự chỉ áp dụng đối với tổ chức thực hiện hành vi phạm tội
- C. Trách nhiệm hình sự vừa áp dụng đối với cá nhân, vừa áp dụng đối với tổ chức có hành vi phạm tội
- D. Tất cả các phương án đều sai

196. Vi phạm pháp luật hình sự là hành vi vi phạm nguy hiểm cho xã hội được quy định trong?

- A. Pháp luật của Nhà nước
- B. Văn bản quy phạm pháp luật
- C. Bộ luật Hình sự
- D. Quy phạm pháp luật

197. Vi phạm pháp luật hình sự còn được gọi là?

- A. Tội trạng
- B. Tội danh
- C. Tội phạm
- D. Các đáp án đều đúng

198. Vi phạm pháp luật hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến các?

- A. Quy tắc xử sự
- B. Quy phạm pháp luật
- C. Quy tắc quản lý Nhà nước
- D. Quy định pháp luật

199. Chọn đáp án phù hợp: Vi phạm pháp luật dân sự là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do cá nhân, tổ chức thực hiện, xâm phạm đến các..... được pháp luật..... điều chỉnh?

- A. Quan hệ xã hội - pháp luật
- B. Quan hệ pháp luật - tác động
- C. Quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân - dân sự.
- D. Quan hệ tài sản và quan hệ thân nhân - dân sự

200. Yếu tố không thuộc mặt chủ quan của vi phạm pháp luật?

- A. Đối tượng của hành vi vi phạm pháp luật.
- B. Lỗi
- C. Động cơ
- D. Mục đích

201. Chọn đáp án đúng:là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất, do..... áp dụng cho chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội?

- A. Trách nhiệm pháp lý hình sự - Tòa án
- B. Trách nhiệm pháp lý hình sự - Viện Kiểm sát
- C. Trách nhiệm pháp lý hình sự - Công an
- D. Trách nhiệm pháp lý hình sự - Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

202. Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: do..... áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật dân sự?

- A. Trách nhiệm pháp lý dân sự - Tòa án
- B. Trách nhiệm pháp lý hình sự - Viện Kiểm sát
- C. Trách nhiệm pháp lý dân sự - Công an
- D. Trách nhiệm pháp lý dân sự - Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

203. Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: do..... áp dụng đối với cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật hành chính?

- A. Trách nhiệm pháp lý hành chính - Tòa án
- B. Trách nhiệm pháp lý hành chính - Viện Kiểm sát
- C. Trách nhiệm pháp lý dân sự - Công an
- D. Trách nhiệm pháp lý hành chính - Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền

204. Chọn đáp án đúng cho chỗ trống trong câu sau: do..... áp dụng đối với học sinh, sinh viên, cán bộ của nhà trường đã vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường?

- A. Trách nhiệm kỷ luật - Bộ trưởng
- B. Trách nhiệm kỷ luật - Hiệu trưởng
- C. Trách nhiệm kỷ luật - Trưởng phòng
- D. Trách nhiệm kỷ luật - Giám đốc xí nghiệp

205. Hành vi vi phạm pháp luật?

- A. Không bao giờ vi phạm đạo đức
- B. Có thể đồng thời là vi phạm đạo đức
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

206. Chủ thể phải chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi vi phạm pháp luật của mình khi?

- A. Chủ thể đó đủ 18 tuổi và không mắc bệnh tâm thần
- B. Chủ thể đó đủ 16 tuổi và có trí óc bình thường
- C. Chủ thể đó đã đạt đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình
- D. Thông thường là 18 tuổi và không mắc bệnh tâm thần

207. Khi nghiên cứu về đặc điểm của trách nhiệm pháp lý thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Cơ sở của trách nhiệm pháp lý là vi phạm pháp luật
- B. Trong mọi trường hợp, trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với những biện pháp cưỡng chế Nhà nước đối với chủ thể đã vi phạm pháp luật
- C. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý chỉ do các cơ quan Nhà nước hay nhà chức trách có thẩm quyền tiến hành đối với chủ thể vi phạm pháp luật
- D. Truy cứu trách nhiệm pháp lý là một quá trình hoạt động phức tạp của các cơ quan Nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền

208. Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật gồm?

- A. Lỗi cố ý và lỗi vô ý
- B. Cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp; vô ý vì quá tự tin và vô ý vì quá cầu thả
- C. Lỗi; động cơ; mục đích
- D. Hành vi trái pháp luật và hậu quả nguy hiểm cho xã hội

209. Chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật bị coi là có lỗi khi?

- A. Nhận thức rất rõ về hành vi mình thực hiện là trái pháp luật và có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng cho xã hội
- B. Có khả năng nhận thức về hành vi mình thực hiện là trái pháp luật và có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội
- C. Do vô ý nên không có khả năng nhận thức về hành vi mình đã thực hiện là trái pháp luật và có thể gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội
- D. Cố ý thực hiện hành vi trái pháp luật

210. Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hành chính?

- A. Vượt đèn đỏ gây chết người
- B. Cướp tài sản
- C. Buôn bán gia cầm nhiễm cúm

D. Sử dụng tài liệu khi làm bài thi

211. Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật hình sự?

- A. Điều khiển xe máy chạy lấn tuyến
- B. Bán hàng lấn chiếm lòng, lề đường
- C. Chứa chấp hoạt động mại dâm
- D. Điều khiển xe gắn máy không có bằng lái xe

212. Hành vi nào sau đây là vi phạm pháp luật dân sự?

- A. Kinh doanh sai ngành nghề đã đăng ký
- B. Buôn bán phụ nữ
- C. Tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy
- D. Không trả tiền thuê nhà

213. Để truy cứu trách nhiệm pháp lý cần xác định?

- A. Có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý
- B. Lỗi của chủ thể vi phạm pháp luật
- C. Hành vi trái pháp luật của chủ thể
- D. Hậu quả gây thiệt hại cho xã hội

214. Nguyên tắc truy cứu trách nhiệm pháp lý là?

- A. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý luôn cần phải áp dụng biện pháp cưỡng chế Nhà nước
- B. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý phải được tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật
- C. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý chỉ được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật
- D. Việc truy cứu trách nhiệm pháp lý chỉ được áp dụng đối với tổ chức vi phạm pháp luật

215. Đối với các trường hợp áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý, thời hiệu đó được tính từ thời điểm nào sau đây?

- A. Thời điểm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm
- B. Thời điểm chủ thể người phạm tội ra đầu thú
- C. Thời điểm vi phạm pháp luật được thực hiện
- D. Các đáp án đều sai

Chương VI: Pháp chế XHCN và Nhà nước pháp quyền

216. Tìm đáp án sai trong các nhận định sau?

- A. Pháp luật và pháp chế có mối quan hệ mật thiết với nhau
- B. Trong mỗi quan hệ giữa pháp luật với pháp chế thì pháp luật là yếu tố tiền đề
- C. Pháp chế đồng nghĩa với cưỡng chế

D. Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật là một trong những yêu cầu của pháp chế XHCN

217. “Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp” là một trong những đặc trưng của?

- A. Nhà nước pháp quyền TBCN
- B. Nhà nước dân chủ
- C. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam
- D. Cả 3 Nhà nước trên

Chương VII: Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

218. Luật Hiến pháp là một ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam vì?

- A. Do Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ban hành
- B. Quy định về những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của Nhà nước
- C. Có giá trị pháp lý cao nhất
- D. Cả A, B, C đều đúng

219. Độ tuổi được ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật ở nước ta là?

- A. Đủ 18 tuổi trở lên
- B. Đủ 19 tuổi trở lên
- C. Đủ 20 tuổi trở lên
- D. Đủ 21 tuổi trở lên

220. Hiến pháp có những đặc trưng, khác với các văn bản pháp luật khác ở chỗ?

- A. Hiến pháp chỉ quy định những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất của một Nhà nước, một xã hội làm cơ sở nền tảng cho hệ thống pháp luật
- B. Hiến pháp có một phạm vi điều chỉnh rất rộng, trên tất cả các lĩnh vực, các văn bản pháp luật khác có phạm vi điều chỉnh hẹp hơn
- C. Hiến pháp có hiệu lực pháp lý cao nhất và có thủ tục làm mới và sửa đổi đặc biệt là thủ tục lập hiến
- D. Bao gồm cả A, B, C

221. Pháp luật nước ta quy định người nào có quyền bầu cử ra cơ quan Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Tất cả công dân Việt Nam
- B. Công dân Việt Nam 18 từ tuổi trở lên
- C. Công dân Việt Nam 16 từ tuổi trở lên
- D. Công dân Việt Nam 21 từ tuổi trở lên

222. Văn bản pháp luật nào quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân?

- A. Luật Hành chính
- B. Luật Dân sự
- C. Luật Lao động
- D. Luật Hiến pháp

223. Những quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong?

- A. Rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau
- B. Luật Dân sự
- C. Luật Lao động
- D. Hiến pháp

224. Điều 54 Hiến pháp Nhà nước ta quy định: Công dân đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào cơ quan nào sau đây?

- A. Chính phủ
- B. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp
- C. Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương

225. Lịch sử lập hiến Việt Nam đã có những bản Hiến pháp nào?

- A. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1954 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- B. Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- C. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1959 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992
- D. Hiến pháp 1946 - Hiến pháp 1980 - Hiến pháp 1992

226. Hiến pháp đang có hiệu lực thi hành ở Việt Nam hiện nay được ban hành năm nào?

- A. Năm 1980
- B. Năm 1959
- C. Năm 1992
- D. Năm 2001

227. Các quan hệ xã hội cơ bản được Luật Hiến pháp điều chỉnh là?

- A. Chế độ chính trị
- B. Chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ...
- C. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước
- D. Cả A, B, C đều đúng

228. Hiến pháp 1992 đã được sửa đổi, bổ sung vào năm nào?

- A. Năm 1996
- B. Năm 1998
- C. Năm 2001

D. Năm 2005

229. Hiến pháp được thông qua khi ít nhất có?

- A. Một phần hai tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- B. Hai phần ba tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- C. Ba phần tư tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành
- D. Một trăm phần trăm tổng số đại biểu Quốc hội biểu quyết tán thành

230. Những chức danh nào sau đây bắt buộc phải là đại biểu Quốc hội?

- A. Phó Thủ tướng Chính phủ
- B. Thủ tướng Chính phủ
- C. Bộ trưởng
- D. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

231. Cơ cấu bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam bao gồm?

- A. Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp
- B. Quốc hội, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp
- C. Hệ thống cơ quan quyền lực, hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước, hệ thống cơ quan kiểm sát, hệ thống cơ quan xét xử d) Cả A, B, C đều sai

232. Hệ thống cơ quan quyền lực Nhà nước bao gồm?

- A. Quốc hội, Chính phủ
- B. Quốc hội, Ủy ban nhân dân các cấp
- C. Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp
- D. Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp

233. Vị trí của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

- A. Là nguyên thủ quốc gia, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước
- B. Là người đứng đầu Nhà nước
- C. Thay mặt Nhà nước về đối nội và đối ngoại
- D. Cả B và C

234. Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam?

- A. Là cơ quan trung tâm của Nhà nước, có thẩm quyền trong cả 3 lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp
- B. Là cơ quan Hành chính Nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tư pháp
- C. Là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan Hành chính Nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp
- D. Cả A, B, C đều sai

235. Chức năng của Viện Kiểm sát nhân dân các cấp?

- A. Kiểm sát hoạt động của tất cả các cơ quan Nhà nước

- B. Kiểm sát hoạt động tư pháp
- C. Thực hành quyền công tố theo quy định của pháp luật
- D. Gồm B và C

236. Tìm đáp án sai trong nhận định sau: Quan hệ xã hội mà Luật Hành chính điều chỉnh có đặc trưng?

- A. Quyền lực phục tùng
- B. Các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính có địa vị pháp lý ngang nhau
- C. Không có sự bình đẳng về mặt ý chí giữa các bên tham gia quan hệ
- D. Một bên có quyền nhân danh Nhà nước đơn phương đưa ra quyết định quản lý và phía bên kia có nghĩa vụ chấp hành các quyết định đơn phương đó

237. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính là?

- A. Phương pháp bình đẳng, thỏa thuận
- B. Phương pháp độc lập, tự định đoạt
- C. Phương pháp mệnh lệnh đơn phương
- D. Phương pháp quyền uy và phương pháp thông qua hoạt động của tổ chức công đoàn

238. Tìm đáp án sai trong nhận định sau: Các cơ quan Hành chính Nhà nước ở Trung ương bao gồm?

- A. Chính phủ
- B. Cơ quan thuộc Chính phủ
- C. Cơ quan ngang Bộ
- D. Bộ

239. Cơ quan Hành chính Nhà nước cấp tỉnh bao gồm?

- A. Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh
- B. Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh
- C. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Sở, phòng, ban cấp tỉnh.
- D. Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, các tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh

240. Đảng lãnh đạo cơ quan Hành chính Nhà nước bằng phương pháp?

- A. Thuyết phục
- B. Cưỡng chế
- C. Thuyết phục và cưỡng chế
- D. Tất cả đều sai

241. Tìm đáp án đúng trong nhận định sau: Một trong những đặc trưng cơ bản của quan hệ pháp luật hành chính?

- A. Các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính luôn luôn lệ thuộc nhau về mặt tổ chức

- B. Các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính đều là chủ thể được sử dụng quyền lực Nhà nước.
- C. Một bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính phải là chủ thể được sử dụng quyền lực Nhà nước.
- D. Các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính không bắt buộc phải là chủ thể được sử dụng quyền lực Nhà nước.

242. Đặc điểm cơ bản của vi phạm hành chính?

- A. Hành vi trái pháp luật xâm phạm các quy tắc quản lý Nhà nước
- B. Hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện
- C. Hành vi đó không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử lý hành chính
- D. Cả A, B, C

243. Trường hợp nào sau đây không bị xử lý vi phạm hành chính?

- A. Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết
- B. Vi phạm khi đang mắc các chứng bệnh làm mất khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi
- C. Sự kiện bất ngờ
- D. Cả A, B, C

244. Tìm đáp án đúng trong nhận định sau: Hình thức xử phạt chính vi phạm hành chính là?

- A. Khiển trách
- B. Phạt tiền
- C. Cảnh cáo
- D. Cảnh cáo và phạt tiền

245. Độ tuổi bắt đầu chịu trách nhiệm hành chính?

- A. Đủ 14 tuổi
- B. Đủ 15 tuổi
- C. Đủ 16 tuổi (chịu mọi trách nhiệm vi phạm hành chính)
- D. Đủ 18 tuổi

246. A 15 tuổi thực hiện hành vi vi phạm hành chính với lỗi cố ý. Trách nhiệm hành chính đối với A như thế nào?

- A. Có thể phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền theo quy định của pháp luật
- B. Chỉ có thể phạt cảnh cáo theo quy định của pháp luật
- C. Cha mẹ hoặc người giám hộ của A phải chịu trách nhiệm thay vì A chưa thành niên
- D. A dưới 16 tuổi nên chưa phải chịu trách nhiệm hành chính

247. Tìm đáp án đúng trong nhận định sau: C là người chưa thành niên thực hiện hành vi vi phạm hành chính?

- A. C sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính do lỗi cố ý nếu tuổi C từ đủ 14 đến dưới 16. Nếu C từ đủ 16 tuổi trở lên, có thể phải chịu trách nhiệm hành chính trong mọi trường hợp vi phạm
- B. C không phải chịu trách nhiệm hành chính
- C. C phải chịu trách nhiệm hành chính trong mọi trường hợp vi phạm
- D. C chỉ phải chịu trách nhiệm hành chính khi C đủ 16 tuổi trở lên

248. Tìm đáp án đúng trong nhận định sau: T 17 tuổi thực hiện hành vi vi phạm hành chính và bị xử phạt tiền?

- A. Mức tiền phạt đối với T giống như mức phạt đối với người thành niên
- B. Mức tiền phạt đối với T không được quá 1/2 mức phạt đối với người thành niên. Trường hợp T không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ T phải nộp phạt thay
- C. Trong mọi trường hợp, cha mẹ hoặc người giám hộ T phải nộp thay
- D. Trường hợp T không có tiền nộp phạt thì áp dụng hình thức phạt cảnh cáo với T

249. Đối tượng điều chỉnh của Luật Lao động?

- A. Quan hệ lao động
- B. Quan hệ việc làm
- C. Các quan hệ liên quan đến quan hệ lao động
- D. Cả A và C

250. Quan hệ học nghề là?

- A. Quan hệ lao động
- B. Quan hệ về quản lý lao động
- C. Quan hệ liên quan đến quan hệ lao động
- D. Cả A, B, C đều sai

251. Việc làm là?

- A. Mọi hoạt động lao động trong cơ quan Nhà nước
- B. Mọi hoạt động lao động tạo ra thu nhập
- C. Mọi hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập không bị pháp luật cấm
- D. Cả A, B, C đều đúng

252. Các chế định của Bộ luật Lao động điều chỉnh?

- A. Quan hệ lao động giữa người làm công ăn lương với người sử dụng lao động
- B. Các quan hệ liên quan đến lao động
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Cả A và B đều sai

253. Tiền lương là một chế định của ngành luật?

- A. Dân sự
- B. Hành chính
- C. Bảo hiểm xã hội
- D. Lao động

254. Hợp đồng lao động phải có nội dung chủ yếu nào sau đây?

- A. Công việc phải làm, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi
- B. Tiền lương, địa điểm làm việc, thời hạn hợp đồng
- C. Điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội đối với người lao động
- D. Cả A, B, C.

255. Có mấy loại hợp đồng lao động?

- A. Hai loại
- B. Ba loại (thời hạn-đơn phương chấm dứt hợp đồng-bảo hiểm)
- C. Bốn loại
- D. Năm loại

256. Hợp đồng lao động loại nào có lợi nhất cho người lao động?

- A. Hợp đồng có xác định thời hạn.
- B. Hợp đồng không xác định thời hạn.
- C. Hợp đồng theo mùa vụ.
- D. Các hợp đồng đều như nhau.

257. Có mấy hình thức giao kết hợp đồng lao động?

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

258. Thời giờ làm việc theo quy định của Bộ luật Lao động là?

- A. Không quá 10 giờ trong một ngày
- B. Từ 8 đến 10 giờ trong một ngày
- C. Tùy thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động
- D. Không quá 8 giờ trong một ngày hoặc 48 giờ trong một tuần.

259. Thời giờ làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động được tính từ?

- A. 21 giờ đến 4 giờ sáng
- B. 22 giờ đến 5 giờ sáng
- C. 22 giờ đến 6 giờ sáng hoặc từ 21 giờ đến 5 giờ sáng tùy theo vùng khí hậu
- D. Tùy sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động

260. Bảo hiểm tự nguyện có mấy chế độ?

- A. Ba
- B. Bốn
- C. Hai
- D. Sáu

261. Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động là?

- A. Tự nguyện
- B. Thỏa thuận
- C. Bình đẳng
- D. Cả A, B, C đều đúng

262. Văn bản pháp luật nào quy định về hợp đồng lao động?

- A. Luật Dân sự
- B. Luật Lao động
- C. Luật Doanh nghiệp
- D. Luật Thương mại

263. Điều 32 Luật Lao động quy định: Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc là?

- A. Ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó (hiện nay 85%)
- B. Ít nhất phải bằng 50% mức lương cấp bậc của công việc đó
- C. Ít nhất phải bằng 60% mức lương cấp bậc của công việc đó
- D. Ít nhất phải bằng 40% mức lương cấp bậc của công việc đó

264. Điền vào chỗ trống trong câu sau: Điều 55 Bộ luật Lao động quy định: “Tiền lương của người lao động..... được trả theo năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc. Mức lương của người lao động..... do Nhà nước quy định.”

- A. Do Nhà nước quy định và - có thể thấp hoặc cao hơn mức lương tối thiểu
- B. Sẽ - có thể thấp hoặc cao hơn mức lương tối thiểu
- C. Do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng lao động và - không được thấp hơn mức lương tối thiểu
- D. Phải - phải bằng mức lương tối thiểu

265. Điều 32 Luật Lao động quy định: Thời gian thử việc là?

- A. Không được quá 90 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao
- B. Không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao
- C. Không được quá 60 ngày đối với lao động khác
- D. Không được quá 40 ngày đối với lao động khác

266. Điều 36, 37 Luật Lao động quy định: Đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi?

- A. Báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày
- B. Do ốm đau, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi

- C. Do tai nạn, đã điều trị 6 tháng nhưng chưa khỏi
- D. Cả A, B, C đều đúng

267. Theo quy định của Luật Lao động thì người lao động được nghỉ bao nhiêu ngày lễ, Tết trong năm?

- A. Tám ngày
- B. Chín ngày
- C. Mười ngày
- D. Nhà nước sẽ quy định số ngày nghỉ cho năm đó

268. Điều 157 Luật Lao động quy định: Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và lợi ích phát sinh trong quan hệ lao động giữa?

- A. Người lao động với tập thể lao động
- B. Tổ chức Công đoàn với người sử dụng lao động
- C. Người lao động, tập thể lao động với người sử dụng lao động
- D. Người lao động, tập thể lao động với tổ chức Công đoàn

269. Khi nghiên cứu về quyền của người sử dụng lao động thì khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Được tuyển chọn người lao động, bố trí công việc theo quy định của pháp luật
- B. Được khen thưởng, xử lý người lao động vi phạm kỉ luật theo quy định của pháp luật
- C. Được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong mọi trường hợp
- D. Được cử đại diện để kí kết thỏa ước lao động tập thể

270. Người lao động có nghĩa vụ?

- A. Chấp hành đúng quy định về an toàn lao động
- B. Hoàn thành những công việc được giao trong mọi trường hợp
- C. Tuân theo sự điều động của người sử dụng lao động trong mọi trường hợp
- D. Cả A, B, C đều đúng

271. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ?

- A. Thực hiện đúng hợp đồng lao động
- B. Bảo đảm an toàn lao động cho người lao động
- C. Tôn trọng nhân phẩm của người lao động
- D. Cả A, B, C đều đúng

272. Sự thỏa thuận nào làm phát sinh hợp đồng dân sự?

- A. Mọi sự thỏa thuận
- B. Mọi sự thỏa thuận được lập thành văn bản
- C. Mọi sự thỏa thuận nhằm làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự
- D. Cả A, B, C đều đúng

273. Chọn đáp án đúng: Chủ thể của pháp luật dân sự là cá nhân, có thể là?

- A. Công dân Việt Nam
- B. Người nước ngoài
- C. Người không quốc tịch
- D. Cả A, B, C

274. Hình thức giao dịch dân sự nào có giá trị pháp lý cao nhất?

- A. Hình thức giao dịch bằng hợp đồng miệng
- B. Hình thức giao dịch bằng văn bản
- C. Hình thức giao dịch bằng văn bản có công chứng, chứng thực
- D. Cả A, B, C đều sai

275. Tìm đáp án sai trong nhận định sau: Người có quyền chiếm hữu hợp pháp đối với tài sản là?

- A. Chủ sở hữu đối với tài sản đó
- B. Chỉ có thể là chủ sở hữu đối với tài sản đó
- C. Người được ủy quyền hợp pháp
- D. Cả A và C

276. Quyền sử dụng đối với tài sản là một loại quyền năng của?

- A. Quyền chiếm hữu
- B. Quyền định đoạt
- C. Quyền sở hữu
- D. Quyền khai thác lợi ích tài sản

277. Quyền sở hữu đối với tài sản bao gồm?

- A. Quyền quyết định số phận của tài sản
- B. Quyền nắm giữ, quản lý tài sản
- C. Quyền khai thác lợi ích tài sản
- D. Cả A, B, C

278. Tìm đáp án đúng trong tình huống sau: A mua của B một máy vi tính xách tay và không biết đó là đồ do B trộm cắp mà có?

- A. A là người chiếm hữu hợp pháp
- B. A là người chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình
- C. A là người chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình
- D. Cả A, B, C đều sai

279. Việc chiếm hữu của một người với đối với một tài sản nhưng không biết đó là chiếm hữu bất hợp pháp thì?

- A. Đều là chiếm hữu hợp pháp

- B. Có thể là chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình hoặc chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình
- C. Luôn là chiếm hữu bất hợp pháp ngay tình
- D. Luôn là chiếm hữu bất hợp pháp không ngay tình

280. Quyền nào sau đây không phải là quyền nhân thân quy định trong Chương III Luật Dân sự năm 2005?

- A. Quyền được thông tin
- B. Quyền xác định lại giới tính
- C. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm
- D. Quyền được khai sinh

281. A ủy quyền cho B bán một ngôi nhà?

- A. B có quyền định đoạt đối với ngôi nhà đó
- B. B có quyền chiếm hữu đối với ngôi nhà đó
- C. B có quyền sở hữu đối với ngôi nhà đó
- D. Cả A, B, C đều sai

282. Tìm đáp án đúng trong các nhận định sau?

- A. Mọi hợp đồng dân sự đều phải được lập thành văn bản
- B. Mọi hợp đồng dân sự đều phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực
- C. Hợp đồng dân sự về mua bán nhà cửa, đất đai bắt buộc phải có công chứng, chứng thực
- D. Cả A, B, C đều đúng

283. Bộ luật Dân sự hiện hành của Việt Nam được ban hành vào năm nào?

- A. Năm 1995, có hiệu lực từ ngày 01/7/1996
- B. Năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01/7/2006
- C. Năm 2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006
- D. Năm 1995, được sửa đổi bổ sung năm 2005

284. Luật Dân sự điều chỉnh những quan hệ nào?

- A. Quan hệ nhân thân và quan hệ kinh tế
- B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản
- C. Quan hệ tài sản và quan hệ gia đình
- D. Tất cả các quan hệ xã hội có liên quan đến tài sản

285. Nội dung của quyền sở hữu bao gồm?

- A. Quyền chiếm hữu
- B. Quyền sử dụng
- C. Quyền định đoạt
- D. Cả A, B, C đều đúng

286. Khách thể của quyền sở hữu bao gồm?

- A. Tài sản là vật có thực
- B. Tiền và giấy tờ trị giá được bằng tiền
- C. Các quyền về tài sản
- D. Cả A, B, C đều đúng

287. Nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự là?

- A. Tự do giao kết hợp đồng nhưng không trái pháp luật, đạo đức xã hội
- B. Tự nguyện, bình đẳng
- C. Không được vi phạm phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- D. Cả A và B đều đúng

288. Diện những người thừa kế theo pháp luật bao gồm?

- A. Những người có tên trong nội dung của di chúc
- B. Những người theo thứ tự hàng thừa kế được quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự
- C. Vợ, chồng; cha, mẹ; các con; người giám hộ của người để lại di sản
- D. Những người có quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời với người để lại di sản

289. Theo quy định của Luật Hôn nhân - gia đình thì những trường hợp nào sau đây không bị cấm kết hôn?

- A. Có quan hệ trong phạm vi ba đời, có cùng dòng máu về trực hệ
- B. Kết hôn với người bị nhiễm HIV/AIDS
- C. Người mất năng lực hành vi dân sự
- D. Những người cùng giới tính

290. Thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân - gia đình Việt Nam là?

- A. Chỉ cần tổ chức tiệc cưới
- B. Phải đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân nơi bên nam thường trú
- C. Phải đăng ký kết hôn tại Tòa án
- D. Phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân nơi bên nam hoặc bên nữ thường trú

291. Khi tìm hiểu về quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng thì khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Vợ, chồng có trách nhiệm ngang nhau đối với tài sản chung và tài sản riêng của vợ, chồng
- B. Vợ chồng có quyền ủy quyền cho nhau trong mọi vấn đề
- C. Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng
- D. Khi ly hôn thì toàn bộ tài sản của vợ, chồng phải chia đôi

292. Năng lực hành vi đầy đủ của công dân khi tham gia quan hệ tố tụng dân sự là?

- A. Người không mắc bệnh tâm thần, chưa thành niên
- B. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 16 tuổi trở lên

- C. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 18 tuổi trở lên
- D. Người không mắc bệnh tâm thần, đủ 21 tuổi trở lên

293. Tìm đáp án đúng trong các nhân định sau: A 17 tuổi được hưởng thừa kế một ngôi nhà của cha mẹ?

- A. A không thể tự mình ký hợp đồng để bán ngôi nhà mà phải được người giám hộ thay mặt ký
- B. A có thể tự mình ký hợp đồng để bán ngôi nhà
- C. A chỉ được ký hợp đồng bán ngôi nhà nếu họ hàng của A đồng ý
- D. A không được bán ngôi nhà khi chưa đủ 18 tuổi

294. Trình tự, thủ tục giải quyết một vụ án dân sự nói chung là?

- A. Thụ lý vụ án - hòa giải - xét xử - thi hành án dân sự
- B. Xét xử sơ thẩm - xét xử phúc thẩm - xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm
- C. Hòa giải - xét xử sơ thẩm - xét xử phúc thẩm
- D. Xét xử sơ thẩm - xét xử phúc thẩm

295. Thừa kế là?

- A. Sự chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của cha mẹ, ông bà cho con, cháu
- B. Sự chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của người chết cho người thừa kế thông qua ý nguyện cá nhân bằng di chúc hoặc căn cứ vào quy định của pháp luật
- C. Sự chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của người chết cho con cháu và được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật
- D. Cả A, B, C đều không đúng

296. Người để lại di sản thừa kế là?

- A. Tổ chức hoặc cá nhân đã chết có tài sản để lại
- B. Cá nhân có tài sản muốn để lại cho con cháu và đã lập thành di chúc
- C. Cá nhân đã chết có tài sản để lại
- D. Người lập di chúc để lại tài sản của mình cho người thân

296. Người thừa kế là người được hưởng di sản của người chết để lại theo di chúc hoặc theo quy định của pháp luật. Người thừa kế có thể là?

- A. Cá nhân
- B. Tổ chức
- C. Nhà nước
- D. Cả A, B, C

297. Điền đáp án thích hợp vào chỗ trống: Thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế là....., kể từ thời điểm mở thừa kế?

- A. 3 năm
- B. 5 năm

- C. 10 năm
- D. 15 năm

298. Hình thức thừa kế theo di chúc bao gồm?

- A. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng
- B. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng
- C. Di chúc bằng văn bản có công chứng, chứng thực
- D. Cả A, B, C

299. Theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự thì những người nào sau đây là người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc?

- A. Cha mẹ đẻ, vợ, chồng
- B. Con chưa thành niên, cha mẹ đẻ
- C. Cha mẹ, vợ, chồng, con thành niên, con chưa thành niên không còn khả năng lao động
- D. Cha mẹ đẻ, con đẻ

300. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật bao gồm?

- A. Vợ, chồng
- B. Cha mẹ đẻ, con đẻ
- C. Cha mẹ nuôi, con nuôi
- D. Cả A, B, C

301. A kết hôn với B, có 2 con chung là C và D (C đã kết hôn, D 15 tuổi). Tài sản của vợ chồng A là 400 triệu. A chết để lại di chúc cho bà E 200 triệu đồng. Hỏi trong tình huống trên những người nào được hưởng di sản thừa kế của A?

- A. Chỉ bà E được hưởng
- B. Chỉ hai con của A là C và D được hưởng
- C. B, C, D được hưởng
- D. E, C, D được hưởng (B, D, E được hưởng)

302. Quyền sở hữu tài sản được bảo vệ bởi Luật nào?

- A. Chỉ có Luật Dân sự mới bảo vệ quyền sở hữu tài sản
- B. Chỉ có Luật Hình sự và Luật Dân sự bảo vệ
- C. Quyền sở hữu tài sản được bảo vệ bởi nhiều luật như Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính...
- D. Tất cả các Luật đều bảo vệ

303. Kết hôn trái pháp luật là?

- A. Nam nữ về chung sống với nhau như vợ, chồng nhưng không có đăng ký kết hôn
- B. Nam nữ đăng ký kết hôn không có sự đồng ý của cha mẹ
- C. Việc xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng vi phạm điều kiện kết hôn do pháp luật quy định

- D. Nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng không tổ chức lễ cưới

304. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, gia đình là những người?

- A. Cùng chung sống với nhau dưới một mái nhà
- B. Có cùng huyết thống và cùng chung sống trong một nhà
- C. Gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng, có quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật
- D. Cả A, B, C đều đúng

305. Tìm đáp án đúng trong tình huống sau: A và B yêu nhau thắm thiết cùng hẹn ước tiến tới hôn nhân nhưng khi A và B đi đăng ký kết hôn thì UBND xã nơi thường trú của A và B không cho phép A và B kết hôn vì?

- A. Phát hiện B có cùng họ Nguyễn với A
- B. Phát hiện B đang mắc căn bệnh hiểm nghèo
- C. Phát hiện B đã có con riêng
- D. Cả A, B, C đều sai

306. A yêu và làm lễ đính hôn với B, sau đó A lại yêu và kết hôn với C. Việc làm của A là?

- A. Vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình
- B. Không vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình
- C. Vừa vi phạm pháp luật, vừa vi phạm đạo đức
- D. Cả A và C đều đúng

307. Quan hệ vợ, chồng chấm dứt khi nào?

- A. Chỉ khi vợ, chồng ly hôn
- B. Khi vợ, chồng không còn yêu thương nhau và thỏa thuận chia tài sản, sống riêng
- C. Khi vợ chồng hủy giấy đăng ký kết hôn
- D. Khi một hoặc 2 bên vợ, chồng chết hoặc vợ, chồng có quyết định cho ly hôn có hiệu lực của Tòa án

308. A và B là vợ chồng, đã có con chung. Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn và hai bên thỏa thuận cắt đôi giấy hôn thú, viết cam kết trả tự do cho nhau. Sau đó A yêu C và được UBND xã cho phép đăng ký kết hôn. Việc làm của UBND xã là?

- A. Đúng theo quy định của pháp luật
- B. Sai, vì A và B chưa đến UBND xã xin thỏa thuận ly hôn mà tự cắt đôi giấy hôn thú
- C. Sai, vì A và B vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp
- D. Sai, vì UBND xã chưa hòa giải cho A và B mà đã kết hôn cho A và C

309. Tài sản của vợ chồng được chia khi nào?

- A. Chỉ khi vợ, chồng ly hôn
- B. Khi vợ chồng ly hôn và cả khi hôn nhân còn tồn tại
- C. Khi Tòa án cho phép chia
- D. Chỉ khi vợ chồng thỏa thuận chia

310. A và B là vợ chồng. Vì bị bệnh hiểm nghèo A đã chết. Một năm sau B kết hôn với người khác. B có được hưởng di sản thừa kế do A để lại không ?

- A. B không được hưởng vì đã kết hôn với người khác
- B. B chỉ được hưởng nếu A có di chúc cho B
- C. B được hưởng vì tại thời điểm mở thừa kế A và B vẫn tồn tại hôn nhân hợp pháp
- D. Cả A, B, C đều sai

311. Tội phạm và hình phạt được quy định ở đâu?

- A. Trong nhiều văn bản Luật
- B. Trong Luật Hiến pháp, Luật Hình sự
- C. Chỉ trong Luật Hình sự
- D. Trong Luật Hình sự và Luật Hành chính

312. Bộ luật Hình sự hiện hành ở nước ta là?

- A. Bộ luật Hình sự năm 1985 được sửa đổi, bổ sung năm 2009
- B. Bộ luật Hình sự năm 1995 được sửa đổi, bổ sung năm 2000
- C. Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009
- D. Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2005

313. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Hình sự hiện hành thì?

- A. Mọi hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam
- B. Mọi hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam, trừ một số trường hợp người phạm tội là người nước ngoài thuộc đối tượng giải quyết bằng con đường ngoại giao
- C. Chỉ hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam của người Việt Nam mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam
- D. Tất cả những người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam

314. Tìm đáp án sai trong nhận định sau: Yếu tố loại trừ trách nhiệm hình sự của người gây thiệt hại là?

- A. Sự kiện bất ngờ
- B. Phòng vệ chính đáng
- C. Thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh
- D. Tình thế cấp thiết

315. Theo quy định của pháp luật hình sự hiện hành thì giá trị tài sản tối thiểu trong hành vi trộm cắp phải là bao nhiêu mới bị coi là tội phạm?

- A. 500.000 đồng
- B. 1.000.000 đồng
- C. 1.500.000 đồng
- D. 2.000.000 đồng

316. Tội phạm khác với các vi phạm pháp luật khác ở dấu hiệu nào sau đây?

- A. Tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội của hành vi
- B. Tính có lỗi của người thực hiện hành vi
- C. Tính phải chịu trách nhiệm pháp lý
- D. Xâm hại quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

317. Tìm đáp án đúng trong các nhận định sau?

- A. Tất cả các hành vi vi phạm pháp luật đều có thể phải chịu hình phạt
- B. Hành vi tội phạm được quy định trong nhiều văn bản pháp luật
- C. Hình phạt chỉ áp dụng cho tội phạm
- D. Cả A, B, C đều đúng

318. Phân biệt tội phạm với các vi phạm pháp luật khác qua các dấu hiệu?

- A. Tội phạm có tính nguy hiểm đáng kể
- B. Tội phạm được quy định trong Luật Hình sự
- C. Tội phạm phải chịu hình phạt
- D. Cả A, B, C đều đúng

319. Độ tuổi bắt đầu chịu trách nhiệm hình sự?

- A. 14 tuổi
- B. 16 tuổi
- C. 18 tuổi
- D. 20 tuổi

320. Bộ luật Hình sự Việt Nam 1999 chia tội phạm thành các loại?

- A. Tội ít nghiêm trọng; tội nghiêm trọng; tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng
- B. Tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng
- C. Tội ít nghiêm trọng và tội rất nghiêm trọng
- D. Tội không nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng

321. Tìm đáp án đúng cho nhận định sau: A 14 tuổi 2 tháng, A phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý?

- A. A không phải chịu trách nhiệm hình sự vì tuổi còn nhỏ
- B. A phải chịu trách nhiệm hành chính do hành vi mà mình gây ra
- C. A phải chịu trách nhiệm hình sự

D. Cha mẹ hoặc người giám hộ của A phải chịu trách nhiệm thay A

322. B 16 tuổi 1 tháng, B chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi?

- A. B thực hiện tội phạm
- B. B phạm tội nghiêm trọng do cố ý
- C. B phạm tội rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng
- D. Cả b và c đều đúng

323. A 17 tuổi, có hành vi gây thương tích cho B 15%. A sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nào?

- A. Trong mọi trường hợp
- B. A không phải chịu trách nhiệm hình sự, chỉ phải chịu trách nhiệm hành chính
- C. Trong trường hợp A cố ý gây thương tích cho B
- D. Cả A, B, C đều sai

324. A là tài xế đi đúng phần đường, đúng tốc độ, kỹ thuật xe bảo đảm an toàn; trong ngõ có một người phóng vụt ra, lao đầu vào xe và chết?

- A. A phải chịu trách nhiệm hình sự vì gây ra tai nạn đặc biệt nghiêm trọng
- B. A không phải chịu trách nhiệm hình sự vì A không có lỗi trong việc gây ra tai nạn
- C. A chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi gia đình nạn nhân khiếu kiện
- D. Cả A, B, C đều chưa đúng

325. Chủ thể của tội phạm là?

- A. Tổ chức hoặc cá nhân từ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi phạm tội
- B. Người thực hiện hành vi phạm tội, đạt độ tuổi luật định và có năng lực trách nhiệm hình sự
- C. Người thực hiện tội phạm và gây ra hậu quả
- D. Người đủ 16 tuổi trở lên và cố ý thực hiện tội phạm

326. Hình phạt được áp dụng với?

- A. Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự
- B. Các vi phạm pháp luật
- C. Tội phạm
- D. Hành vi cố ý phạm tội

327. Theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam thì hệ thống hình phạt gồm?

- A. Hình phạt tù giam và các hình phạt khác
- B. Hình phạt cơ bản và hình phạt không cơ bản
- C. Hình phạt chủ yếu và hình phạt không chủ yếu
- D. Các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung

328. Hình phạt trong Luật Hình sự Việt Nam được áp dụng nhằm mục đích?

- A. Trừng trị người phạm tội, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm

- B. Bắt người phạm tội bồi thường thiệt hại đã gây ra
- C. Trừng trị người phạm tội
- D. Giáo dục phòng ngừa chung

329. Một người bị coi là có tội khi?

- A. Bị cơ quan công an bắt theo lệnh bắt của Viện Kiểm sát
- B. Bị cơ quan công an khởi tố, điều tra về hành vi vi phạm pháp luật
- C. Bị Tòa án đưa ra xét xử
- D. Có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án

330. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là?

- A. Cơ quan điều tra - Tòa án - Cơ quan thi hành án
- B. Viện Kiểm sát - Tòa án - Cơ quan thi hành án
- C. Tòa án - Viện Kiểm sát - Cơ quan điều tra
- D. Cả A, B, C đều đúng

331. Thủ tục tố tụng giải quyết một vụ án hình sự là?

- A. Khởi tố - điều tra - truy tố - xét xử - thi hành án hình sự
- B. Điều tra - xét xử sơ thẩm - xét xử phúc thẩm
- C. Thụ lý vụ án - điều tra - xét xử - thi hành án
- D. Điều tra - truy tố - xét xử sơ thẩm - xét xử phúc thẩm - xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm

332. Chủ thể kinh doanh ở nước ta hiện nay bao gồm mấy loại?

- A. 2 loại: Doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể
- B. 2 loại: Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp tư nhân
- C. 3 loại: Doanh nghiệp, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn
- D. 4 loại: Công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp Nhà nước

333. Các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam bao gồm?

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; hai thành viên trở lên
- B. Công ty cổ phần; công ty hợp danh
- C. Doanh nghiệp tư nhân
- D. Cả A, B, C

334. Doanh nghiệp tư nhân là?

- A. Doanh nghiệp do nhiều cá nhân làm chủ
- B. Doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm
- C. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp do mọi người tham gia vào doanh nghiệp quyết định
- D. Doanh nghiệp do một hoặc hai cá nhân làm chủ

335. Điều 6 Luật Dạy nghề quy định có mấy trình độ đào tạo dạy nghề?

- A. Hai
- B. Ba (sơ cấp, trung cấp, cao đẳng)
- C. Bốn

336. Điều 4 Luật Dạy nghề quy định về mục tiêu dạy nghề là?

- A. Đào tạo nhân lực kỹ thuật cao, nhằm phục vụ cho sản xuất, dịch vụ
- B. Đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ
- C. Tạo cho người học nghề có thu nhập để bảo đảm cuộc sống cho mình
- D. Tạo cho người học nghề có khả năng làm được mọi công việc theo yêu cầu

337. Điều 34 Luật Dạy nghề quy định về tuyển sinh học nghề là?

- A. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức thi tuyển
- B. Tuyển sinh sơ cấp, trung cấp được thực hiện theo hình thức xét tuyển
- C. Tuyển sinh học nghề chỉ được tuyển một lần trong năm
- D. Tuyển sinh cao đẳng nghề chỉ được thực hiện theo hình thức thi tuyển

338. Điều 35 Luật Dạy nghề quy định về hợp đồng dạy nghề?

- A. Hợp đồng dạy nghề là sự thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ giữa cơ sở dạy nghề với người học nghề
- B. Hợp đồng dạy nghề chỉ được giao kết bằng văn bản
- C. Hợp đồng dạy nghề không được giao kết bằng lời nói
- D. Cả A, B, C đều đúng

339. Hệ thống giáo dục dạy nghề bao gồm?

- A. Dạy nghề chính quy
- B. Dạy nghề cơ bản
- C. Dạy nghề thường xuyên
- D. Cả A và C

340. Đào tạo nghề bao gồm các trình độ?

- A. Sơ cấp nghề
- B. Trung cấp nghề
- C. Cao đẳng nghề
- D. Cả A, B, C

341. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân và hộ gia đình thuộc về?

- A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- B. Ủy ban nhân dân cấp huyện
- C. Ủy ban nhân dân cấp xã
- D. Cả 3 cấp đều có thẩm quyền

342. Quyền được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc về?

- A. Người sở hữu đất đai
- B. Người định đoạt đất đai
- C. Người sử dụng đất đai
- D. Cả A, B, C đều đúng

343. Tìm đáp án sai trong các nhận định sau?

- A. Công dân có quyền sở hữu đối với đất đai
- B. Người sử dụng đất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất
- C. Người sử dụng đất có nghĩa vụ sử dụng đất đúng mục đích
- D. Người sử dụng đất có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất

344. Tìm đáp án đúng trong các nhận định sau?

- A. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm tại Ủy ban nhân dân cấp xã
- B. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm tại Ủy ban nhân dân cấp huyện
- C. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất làm tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- D. Cả A, B, C